

Tập San Số Người Việt Evry 4



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry
12, Impasse Marette Guillerval
91000 EVRY



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry được thành lập vào ngày 06/04/1986, do sự hợp mặt của các anh chị em thanh niên, với mục đích tạo mối dây liên lạc và tương trợ giữa các gia đình Việt Nam sinh sống tại Evry và các vùng phụ cận.

Để thực hiện mục đích đó, Hội đã tổ chức các hoạt động thường xuyên như : tập dợt văn nghệ, sinh hoạt thể thao (bóng bàn, đá banh...), học tập (lớp dạy tiếng Việt, lớp dạy kèm), báo chí (ra tờ đặc san nội bộ)...

Hội luôn cố gắng tổ chức thường xuyên hai buổi lễ TRUNG THU (vào tháng 09) và TẾT NGUYÊN ĐÁN (vào khoảng tháng 02) mỗi năm, với hy vọng tạo cơ hội gặp gỡ và thắt chặt tình tương trợ trong cộng đồng người Việt chúng ta.

Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry mong đón nhận được sự đóng góp của tất cả người Việt trong vùng. Xin quý Cô Bác, các anh chị em trẻ, tất cả những ai có sáng kiến hay, có điều kiện thuận tiện, hãy đến đóng góp với Hội để xây dựng những hoạt động hữu ích cho cộng đồng chúng ta.

BAN CHẤP HÀNH.

Trích lục vài điều lệ của Hội - Extrait des statuts de l'Association :

Article 01 : Elle est créée entre les adhérents aux présents statuts une association régie par la loi du 01 Juillet 1901, ayant pour dénomination **ASSOCIATION DES JEUNES VIETNAMIENS D'EVRY.**

Article 02 : Cette association a pour but de promouvoir toute forme de contacts, de rencontres sociales, culturelles, sportives... susceptibles de renforcer l'amitié, l'entente entre les vietnamiens ainsi que leurs sympathisants.

Article 06 : L'association se compose de membres actifs, bienfaiteurs et d'honneur.

Thành phần Ban Chấp Hành của Hội niên khóa 1997 :

Hội Trưởng/Président	:	Anh Dương Thanh Trước
Thư Ký/Secrétaire	:	Anh Diệp Phước Lợi
Thủ Quỹ/Trésorier	:	Anh Dechargères Laurent

PHIẾU GHI DANH - BULLETIN D'INSCRIPTION

Họ và tên/Nom et Prénom :

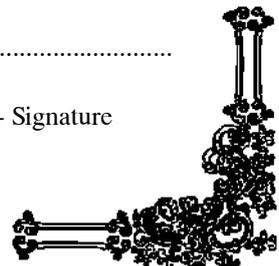
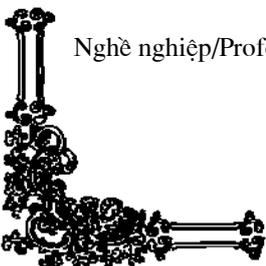
Ngày và nơi sinh/
Date et lieu de naissance :

Địa chỉ/Adresse :

Điện thoại/Téléphone :

Nghề nghiệp/Profession :

Ký tên - Signature



ời Ngõ

Thấm thoát cũng sắp qua một năm con Cọp đầy tai ương bão lụt mà vài nước trên thế giới đang phải gánh chịu. Nước Pháp cũng bị ảnh hưởng đôi chút vì thiên thời địa ách kia, và Người Việt Evry cũng vì thế mà phải bị chậm lụt trong việc ra mắt quý bạn đọc đúng kỳ hạn, như Ban Biên Tập đã dự tính. Vì thế Ban Biên Tập xin cáo lỗi cùng tất cả các Cô Bác Anh Chị trong vùng đã có lòng ưu ái ủng hộ tinh thần lẫn vật chất để Người Việt Evry Số 4 mới có đủ phương tiện thành hình.

Tập San Người Việt Evry kỳ này cũng có một vài thay đổi như vắng mặt vài cây bút quen thuộc, có lẽ vì đời sống hải ngoại với những bận rộn của cuộc sống, thời giờ của chúng ta cũng bị thu hẹp đi nhiều. Hoặc bút đã cùng, mực đã cạn? Nhưng thay vào đó cũng có thêm vài cây bút mới góp mặt cho vườn hoa văn nghệ để Người Việt Evry thêm nhiều màu sắc và phong phú hơn.

Với Người Việt Evry số 4, xin mời các bạn tìm hiểu về nguồn gốc và lịch sử nước Việt Nam, giải khuây với những mẫu truyện ngắn của chú Nguyễn Phương hay thả hồn thơ lãng mạn theo những bài đặc biệt chủ đề Mẹ...

Ban Biên Tập cũng có đôi lời gửi đến quý đọc giả: tin giờ chót của Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry qua việc bầu cử lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ năm 1999. Anh Dương Thanh Trước đã "anh dũng" gồng mình gánh lấy trách nhiệm của chức Hội Trưởng.

Thay mặt Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry, Ban Biên Tập xin hoan hô tinh thần hồ hởi vì Hội của tân Hội Trưởng. Phần Tổng Thư Ký và Thủ Quỹ vẫn do Anh Diệp Phước Lợi và Anh Laurent Deschargères đảm trách. Người xưa có câu:

Một cây làm chẳng nên non,
Cây chụm lại nên hòn núi cao...

Nếu không có những tinh thần hăng say gánh vác trọng trách gìn giữ và gây dựng cho Hội luôn được trường tồn của các Chú Bác cùng các Anh Chị thì Hội không đứng vững đến ngày nay.

Ban Biên Tập xin thành tâm cảm ơn tất cả những ai đã góp công góp sức để

chúng ta có một nơi chốn gặp mặt cùng thắt chặt thêm tình đồng hương.

Cũng nhân dịp lễ Giáng Sinh sắp đến, Ban Biên Tập kính chúc quý Cô Bác, Anh Chị cùng quý đọc giả xa gần hưởng trọn một mùa Giáng Sinh thật an lành và hạnh phúc.

Ban Biên Tập

Mục Lục

Tết Con Hồ Evry 2
 Petrus Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898)..... 5
 Thơ: Cảm Xúc Bất Chợt..... 6
 Les français et le Viet Nam : Echos d’hier pour une symphonie de demain ?..... 7
 Thơ: Lời Mẹ dạy..... 17
 Sử Việt Nam 4 - Histoire du Viet Nam 4 18
 Thơ: What is love ?..... 22
 Tôn Sĩ Nghị... qua sông 24
 Thơ: Đêm Xuân nhớ Mẹ..... 25
 Contes et Légendes - Truyện Cổ Tích 26
 Thơ: Nhớ đến Mẹ 28
 Alexandre de Rhodes et le Quốc Ngữ..... 29
 Thơ: Anh nhớ Em quên - Nhớ bạn..... 30
 Thơ: Đồi Mẹ - Phù du..... 31
 La cuisine vietnamienne..... 32
 Thơ: Hồng Lâu Mộng..... 35
 Hoạt động thường xuyên của Hội..... 36
 Lượm lật 38
 Hộp thư Tòa Soạn - Phiếu ủng hộ..... 39

Ban Biên Tập

- Chị Huỳnh Huyền Thủy Vũ
- Bác Nguyễn Văn Hậu
- Anh Diệp Phước Cường
- Anh Trần Minh Giám
- Anh Dương Thanh Trước

Tết con



Chiều cuối đông xuống chậm, ngày dài thêm ra, nhưng bà con cô bác trong làng đã hối hả đến hội trường Bexley rất sớm.

Tết Nguyên Đán do anh chị em Thanh thiếu niên Việt Nam Evry tổ chức từ nhiều năm nay đã thu hút ngày càng đông đảo bà con. Không những chỉ có Cô Bác trong vùng Evry, mà còn có bà con các vùng lân cận cùng đến dự lễ, để có dịp họp mặt tại đây chung một mái gia đình - gia đình Việt Nam - trong ba ngày Tết với những tập tục, với hương vị quê hương và với tình nghĩa làm ấm lòng người xa xứ :

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều
Đường không cách trở bao nhiêu
Chim bay thì được tôi về... thì không.*

Trong số những người đến dự lễ, tôi nhận ra được sự hiện diện của ông Maire, một số viên chức trong Hội Đồng thị xã Evry, rất nhiều bạn bè người Pháp và một số người ngoại quốc khác. Những điều lạ làm tôi chú ý là một ông khách da màu không biết do ai mời, ăn mặc rất đúng đắn trong bộ âu phục thời trang sậm màu thật đẹp, nhìn ông có vẻ như một nhà ngoại giao!. Không ai biết rõ ông là ai, nhưng dáng dấp của ông có cái gì đó làm cho người ta kính trọng. Ông đứng cuối hội trường, gần gian hàng báo chí của Hội, khoanh tay trước ngực, yên lặng chăm chú nhìn sân khấu. Ông đứng như vậy từ đầu đến tàn cuộc lễ, tôi đến mời ông ngồi hai ba lần ông đều nhã nhặn từ chối và cho biết là ông muốn đứng đó để có thể thấy hết cả hội trường.

hỏi? Evry



Khuya lắm, đến hết phần văn nghệ, tôi tiễn ông ra cửa và đưa ông một đỗi đường. Ông nắm tay tôi, không để nói lời từ giả, mà ông nhờ tôi chuyển lời cảm ơn ban tổ chức đã cho ông được cùng bà con Việt Nam hưởng một ngày hội lớn của dân tộc Việt Nam thật đa dạng, phong phú, nhiều ý nghĩa. Ông hết sức khâm phục bà con Việt Nam ở Evry, có tinh thần đoàn kết rất cao, đã cùng nhau đến dự hết sức đông, làm ban tổ chức làm việc rất nhiều nhưng ai cũng sốt sắn hết lòng và vui vẻ tiếp đón quan khách rất lịch sự.

"Quý vị là một dân tộc có một nền văn hóa rất cao", câu nói thay lời chào giả từ của ông đã làm tôi nghẹn ngào cảm động và thật hạnh diện vì anh chị em Hội Thanh thiếu niên Evry đã làm đẹp cho cộng đồng.

Thật vậy, từ nhiều tháng trước, anh chị em thanh niên đã chuẩn bị cho ngày Hội lớn : nào lo tập dợt nhạc kịch, nào dạy cho các cháu nhỏ múa hát nhịp nhàng, nào phải lo may mặc áo quần trình diễn, nào chạy rập chạy tiền, lo xúng xỏi nời nếp, chút dưa cải ngày Tết tuy đơn sơ nhưng đậm mùi dân tộc. Thanh niên đã làm với tất cả tâm tình và... lo sợ ! Tâm tình trải rộng cho Cô Bác và con cháu, nhưng nỗi lo âu vì sức người có hạn và nhất là cái nạn làm gì cũng phải nghĩ đến chuyện "đầu tiên" : một cây viết, một tờ giấy,

cây kim, đoạn chỉ... không phải tự nhiên mà có, phải chạy phải lo... nghĩ mà thương cho các cháu !

Mấy ngày trước buổi lễ, các bậc phụ huynh đã chia nhau chuẩn bị cho thanh niên phần ẩm thực : chia nhau nhận nếp nấu xôi, cô Lựu hứa lo phần chả quế, cô Dung chuẩn bị làm dưa món, cô Châu vừa lo xôi nếp, vừa chạy sắm sửa cho gian hàng ăn, cô Tú đóng góp cho những gì cần để đỡ cho thanh niên chạy mua lật vặt, cô Lợi hứa chiên bánh cam cho... và bao nhiêu người mẹ, người chị khác nữa, lúc nào cũng nghĩ đến nỗi cơm trách cá cho chồng cho con, đã không quản ngại thì giờ công sức đóng góp cho đại gia đình cộng đồng. Đó là thiên chức đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam...

Phải nhìn thấy được ban nhạc thanh niên : Kiệt, Dũng, Đắc, Khánh, Long, Hùng, Tân, Chinh, Hồng... cùng các ca sĩ Dung, Hoàng Anh, Vũ, Trâm, Linh... mỗi chiều tan sở họp mặt chuẩn bị, mỗi chúa nhật hội hả rắp nhau tập dợt, đối bụng không cơm... bèn hè nhau thổi kèn Tây (cơm tay cầm), uống nước máy... mới thấy được anh chị em hy sinh đến bực nào.

Trước tinh thần cao cả đó, quý bác Đoàn văn Linh, nhà thơ Thụy Khanh, anh Thanh... cũng không quăng khó nhọc đến cùng bà con, giúp cho buổi Hội Tết thêm phần khởi sắc qua lời ca tiếng đàn, tiếng sáo, giọng ngâm thơ làm ấm lòng bà con xa xứ. Cái cảm động vô cùng là hai anh bạn đến từ vùng bắc Paris đã hiến cho bà con Evry hai bài vọng cổ thật đặc sắc, làm rung động con tim mọi người và gợi nhớ về cố quốc xa xôi. Nhất là trước đó không lâu, trên đường đến dự lễ Hội, hai anh và gia đình đã trải qua một cơn kinh hoàng vì đã bị một chiếc xe chạy ngược chiều "hun một cái" không nhẹ lắm. Hoan hô tinh thần đóng góp của hai anh.

Các em thiếu nhi Evry : Minh Châu,

Philippe, Kim Chi, Khanh, Hiền, Ly, Doanh, Nam, Phi Long, Kiên, Giang, Anh Đào, Julie, Tí... và các mầm non : Anh Thu, Trang, Kiều... cũng góp phần tươi đẹp cho văn nghệ Tết của làng. Trong công trình tập dợt cho các cháu phải nghĩ đến sự giúp đỡ của tất cả các cha mẹ đã kiên nhẫn đưa đón mỗi chiều chủ nhật, các chị Phượng, Tố Uyên, Thảo lo phần dàn dựng. Với nhiều công phu tập dợt, các màn múa của các cháu được khán giả tán thưởng bằng những tràng pháo tay dòn hơn pháo Tết, nhất là màn trình diễn thời trang rất dễ thương và đẹp mắt. Ban tổ chức cũng rất chu đáo, tặng thưởng cho mỗi em một món quà kỷ niệm.



Tết không lân, không là Tết. Đoàn lân chùa Linh Sơn đã đến cùng bà con Evry với con lân mới toanh, lông lá đuôi đầu muốt rượt, không như các con lân mấy năm trước của hội nhà tự biên tự diễn, vì xung trận quá nhiều nên thương tích đầy mình, chাম vá bằng đu đủ thứ bằng keo. Ông địa, con lân còn "trao trẻ" nên nhảy múa đẹp vô cùng, lân không sợ pháo vào lại bàn thờ ông bà. Tôi đứng gần đó mà nghe cái đuôi lân nói với lên cái đầu lân :

- Ê ! Tám! Tám, coi chừng... cháy râu ! (râu bạc của lân chú không phải của người múa).

Được coi lân múa đẹp, bà con vỗ tay khen thưởng gần bể rập, và nhất là khi anh trưởng đoàn lân thông báo quyết định đem số tiền treo thưởng cho đội lân tặng lại cho ban tổ chức, phụ giúp phần tài chánh cho Hội Thanh niên. Thành thật cảm ơn các bạn trẻ

nhiều nhiệt tình, giúp đỡ nhau hết mình, không nề công của !

Nói đến tình tương thân, tương hữu thì sao quên được sự đóng góp của đoàn nữ "thiên thần" của Giáo Xứ Paris, đến giúp cho một bài múa thật thuót tha, đẹp tuyệt vời với "xiêm y" lộng lẫy làm bà con tưởng mình đang ở chốn Bồng lai xem tiên nữ múa vũ khúc Nghệ Thường. Lại thêm sự hợp tác của các bạn trẻ trong Hội Ái Hữu người Việt vùng Bắc Paris (Sarcelles) qua điệu múa dân tộc, các bài hát thiếu nhi, ca nhạc trẻ đời mới... ôi thôi đủ mọi màu sắc, đủ mùi vị, vừa lòng tất cả bà con khán giả cả già lẫn trẻ.



Văn nghệ đặc sắc, quyến rũ, lời cuốn bà con ở lại trong hội trường chật nức. Tôi đi một vòng thăm hỏi tình hình, việc nặng không phụ giúp được vì tuổi tác cao, thì giúp cho đám nhỏ trong việc coi sóc dóm ngó trong ngoài vậy. Nhất là cái vấn đề tài chánh cho hội, tôi lụm cụm leo lên sân khấu xin mượn cháu Tuấn, người điều khiển chương trình, cái mi-cờ-rô vài phút để kêu gọi bà con đừng quên ủng hộ con cháu qua mấy tờ tô-m-bô-la, quán nước của cháu Tí, gian hàng cô chú Châu-Long. Khán giả hồn còn mơ mộng, giựt mình trở lại chốn hồng trần, và vì đường xá "tiên-trần" xa xôi cách trở, nên bà con khát nước đói bụng nhiều bèn đến chiếu cố quán nước và gian hàng ăn quá tay.

Nhìn thấy thương cho ba mẹ đám nhỏ, mỗi tuần lo cho con đến hội tập tành, đến giờ này thì ai cũng bận rộn, mỗi người một tay phụ vào : cô chú Chánh phụ Tí trong quán nước, các cô Hồng, Phượng trong quán ăn chị Châu, không ai rảnh tay coi con cháu mình đang múa hát trên sân khấu. Mấy cháu nhỏ

vừa trình diễn xong thì đã chạy ra xin cầm vé tô-m-bô-la đi bán... Tất cả đều ra sức, góp công để lo cho cuộc lễ, hi sinh chịu cực, mong cho số thu hoạch được đủ để trang trải mọi chi phí : tiền rạp, tiền máy móc,... mà Hội đã vay mượn bỏ ra trước đó. Anh chị em cao quý làm sao... phần thường nào có thể bù đắp được công lao cho các anh chị em, các cháu của Hội Thanh thiếu niên Evry...

Trong buổi tổng dợt, một số Cô Bác và các anh chị em trong Hội đã cùng nhau họp mặt để "tự nâng đỡ tinh thần". Mọi người được thưởng thức tài nội trợ khéo léo của Di Năm Diên và chị Tú đã nấu dùm cho hai nồi cà-ri hảo hạng, dù trời đông lạnh lẽo nhưng ai nấy đều ấm lòng và... ấm bụng ! Hẹn làm nữa... vào Tết Nhi-đồng và Tết con Mèo.

Ông khách lạ lòng kia tôi không biết có dịp gặp lại kỳ tới không, nhưng tai tôi vẫn còn nghe tiếng ông nói đêm nào: "Cộng đồng Việt Nam là một cộng đồng đáng khâm phục vì tình đoàn kết thương yêu nhau, một dân tộc có nền văn hóa rất cao".

Trong đó, Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry là ngọn lửa vẫn cháy, cháy mãi, cháy hoài trong lòng Cô Bác bà con. ■

Ghi lại sau Tết con Cọp

Nguyễn Phương.





Petrus

Trương Vĩnh Ký

1837 - 1898

Người thanh-niên Việt-Nam nói chung hay anh chị em thanh-thiếu-niên Việt-Nam *EVRY* nói riêng, luôn nhớ câu ca dao :

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây
Uống nước nhớ người đào giếng

Tháng Chín này.... năm 1998....

Cách đây 100 năm, vào năm 1898, chúng ta đã mất một người thầy lớn mà những người Việt-Nam biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ không ai có thể quên được :

Bác học PETRUS TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

Bác học TRƯƠNG-VĨNH-KÝ tự Sĩ Tài, tên thánh PETRUS KÝ, là nhà văn học bậc nhất ở Việt-Nam, có công rất lớn trong việc đặt nền móng cho nền văn học bằng chữ Quốc-ngữ trong hậu bán thế kỷ XIX.

Ông sanh năm 1837 tại thôn Cái Mơn, xã Vĩnh-Thành, huyện Tân-Minh, tỉnh Vĩnh-Long (nay thuộc tỉnh Bến-Tre), mồ côi cha từ thuở ấu thơ, được mẹ hết lòng nuôi dạy. Được 5 tuổi đã theo học chữ nho, rồi học chữ Quốc-ngữ, năm 11 tuổi được xuất ngoại du học. Từ chất thông minh, tinh thông Pháp văn, Hán văn, cùng nhiều ngoại ngữ khác như

Xiêm, Lào, Miên, La-Tinh, Anh, Pháp, Nhật, Ấn-Độ... (15 ngoại ngữ Âu-Châu và 11 ngoại ngữ Á-Châu).

Năm 1863, ông tháp tùng sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp, được vua Napoléon III tiếp kiến tại điện Tuileries, và trong dịp này ông đã đi nhiều nước Âu-châu khác, tiếp xúc được nhiều nhân vật quan trọng trong các lãnh vực khoa-học, văn-hóa, chánh-trị...

Ông cũng đã được diện kiến Đức Giáo-Hoàng Pie IX tại Rome.

Tháng năm 1869, ông biên soạn bài vở cho tờ "Gia-Định Báo", tờ báo Việt-ngữ đầu tiên ở nước ta, ông dùng tờ báo này để truyền bá chữ Quốc ngữ và giới thiệu tư tưởng học thuật Âu-Á cho người trong nước.

Năm 1886, ông được mời ra Huế, sung vào Cơ Mật Viện giúp vua Đồng-Khánh. Sáu tháng sau, vì chán cảnh quan trường đố kỵ, ông từ chức về Nam, và từ đó cho đến khi mất, ông chăm lo việc trờe tác và dịch thuật. Ông đã để lại một kho tàng văn hóa khổng lồ cho hậu thế : khoản 15 tác-phẩm bằng các chữ Quốc-ngữ, chữ Pháp và Hán tự, nói về đủ mọi ngành khoa-học, địa-lý, lịch-sử, cách-trí... mà giá trị nhất là các bộ Việt-Nam Lịch-Sử (1879), Pháp-Việt Tự-Điển. Ngoài ra ông cũng đã biên soạn nhiều sách dạy tiếng ngoại quốc như Xiêm-La, Miên-

Điện, Mã-Lai, Quảng-Đông, Quang-thoại...

Ông được xếp vào hàng 18 Bá-học
bậc nhất hoàn cầu (Dix huit savants
Mondiaux 1873-1874).

Quý Ung-Hoà Nguyễn-Văn-Tổ đã
viết :

"Thật là đẹp đẽ cái đời cần lao của
tiên-sinh, đời ấy đã làm vinh dự cho cái làng đã
sanh ra tiên sinh và cho nước Việt-Nam đã
được tiên-sinh để lại cái kết quả của sự nỗ lực
lớn lao của Tiên-sinh".

Ông mất ngày 1 tháng 9 năm 1898
tại nhà riêng ở Chợ-Quán, thọ 61 tuổi.

Người Thanh nhiên hôm nay luôn
nhớ tiên-nhân, NGUYỄN đã làm ích nước
lợi dân, rạng danh nòi giống...

Và nếu quý vị, quý bạn yêu thích các
thứ : sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, bòn
bon, xin đừng quên công ơn NGUYỄN đã
đem những giống cây ấy từ Nam-Dương
về cấy trồng trước nhất tại đất Cái-Mon
(Bến-Tre). ■

Hè 1998

NGUYỄN PHƯƠNG

Sách tham khảo:

- Văn-Học Sử-Yếu của Dương Quảng-Hàm và Nguyễn Huyền-Anh
- Nguồn sống Saigon - 1953
- Tài-liệu Khổng-Xuân-Thu - 1958
- Đặc-San PETRUS-Ký Nam Cali 1996.



Cảm Xúc Bất Chợt

Trời mưa đông lạnh lẽ Paris
Tuyết phủ đầy trên hồn quạnh quẽ
Vết thời gian vô tình vệt nhẹ
Qua hồn tôi, một tấm tình buồn.
Tôi muốn thét, muốn nói cho người hiểu
Nỗi đôn côi sao quá đọa đày
Xin cho tôi biết yêu và biết quý
Những chuỗi ngày buồn ở "Paris".
Một thành phố mà người ta thường nói
"Của ánh sáng và của tự do"
Lạnh buốt ời - xin ngừng lại nhé
Cho tim tôi được sưởi ấm tình nồng
Của vạt niềm vui đang chờ trước mắt
Của tình yêu chan chứa niềm tin.
Tôi dẫu biết tương lai trước mắt,
Như sa mạc, đại dương vô bờ
Tôi chỉ là một hạt cát mong manh
Đang nhẹ lặn từng bước nhỏ nhọc nhằn
"Tình yêu hạnh phúc và mơ ước"
Sẽ cho hạt cát ấy niềm vui.

01/08
Q.H.

Les français et le Viet Nam : Echos d'hier pour une symphonie de demain ?



u moment où la France et le Viet Nam, tels de vieux amants après de violentes querelles, tentent de tourner la page en nouant des rapports économiques et culturels nouveaux, c'est sans doute la première fois que les relations entre les deux pays sont placées sous le signe d'un rapprochement librement consenti et sans l'ombre d'une domination. Il n'est peut-être pas sans intérêt d'analyser le regard des Français lorsqu'ils découvrirent ceux que l'on appelait jadis les "Annamites".

Pour procéder à cette analyse, il m'arrive souvent de me mettre à la place de ce vieil ami français, aujourd'hui à la retraite et d'essayer de voir, au travers des clichés et des préjugés, les signes multiples et à peine déchiffrables de la mentalité d'une époque. Je le vois volontiers comme un jeune homme, né quelque part sur cette belle terre de France, quelques années après la Grande Guerre, parvenu à l'âge d'adolescence dans les années trente. Durant sa prime jeunesse, il a vécu dans l'idée d'une France érigée au niveau de grande puissance impériale de premier rang.

Heureux les amants séparés
Et qui ne savent pas encore
Qu'ils vont demain se retrouver.

Jacques Brel

S'il a, à cet âge où l'esprit se forme, envie de jeter un regard furtif sur une affiche ou ce qu'on appelle aujourd'hui une publicité, il aura probablement l'occasion de lire cet Appel de la France extérieure, publiée en 1930 par le Ministère des Colonies : "Jeunes Français ! Vous n'avez plus le droit d'ignorer les colonies. Vos pères les ont acquises au prix de leur sang. A vous d'assurer la conservation et la prospérité, à vous de les sceller à jamais dans l'unité française et de donner à la plus belle histoire du monde un magnifique couronnement. Jeunes Français, prenez conscience de votre devoir colonial !"... Progressivement, l'idée était entrée dans l'inconscient collectif que l'Indochine était l'or et le sang de la France. Cet appel paraît aujourd'hui ringard, il faisait pourtant partie des certitudes d'un monde et constitue incontestablement la mémoire collective, l'imaginaire de tout un peuple : ce qui nous dicte parfois et encore des manières inconscientes et tenaces de voir l'autre.

Le temps des colonies

Ce même ancien jeune homme, devenu adulte, se souviendra, comme ancrée à tout jamais dans sa mémoire, de cette longue et agréable journée passée à visiter l'Exposition Coloniale de Vincennes en 1931. Si le passé est constitué avant tout d'images nouvelles, de couleurs chatoyantes et de formes insolites, de celles-là, il se souviendra le reste de son existence. Quarante ans, cinquante ans plus tard, il sera toujours capable d'en parler comme si c'était la veille : la reconstitution toute parisienne en grandeur nature des temples d'Angkor, près du lac Daumesnil, la pagode d'Annam et ses musiciens aux costumes colorés, bizarrement parés...

Des manuels scolaires d'Histoire de France et de littérature, des leçons des maîtres apprises sur les bancs de l'école, des cartes postales et jusqu'aux "réclames" glissées dans sa plaquette de chocolat, à l'heure du goûter... tout un environnement concourait à faire prendre conscience à un jeune esprit en formation qu'il appartenait à un peuple élu. Tout lui parlera de cette Grande France, de cette France d'Asie, d'Afrique et d'Océanie, celle des bâtisseurs d'empire, de Francis Garnier, de Pierre Loti... et de ses chevaliers blancs, les Docteurs Versin et Calmette.

De la voie royale au royaume oublié

Si le hasard de la vie a fait naître notre jeune homme de la génération 1920 non pas

en France, mais en Indochine, ses parents l'ont, peut-être un jour, emmené visiter, à Hué, le musée Khải Định. Il a alors vécu cette émotion que l'écrivain Michel Aurillac décrit dans "Le Royaume oublié" comme une expérience inoubliable : "Dans les salles paisibles du musée Khải Định, ... , je découvris un jour, j'avais six ans à peine, une salle qui enchantait mes rêves d'enfant, la salle Mayréna. Après des enfilades de stèles funéraires, des sentences parallèles, d'urnes de bronze et de pierre... toutes choses sans grande signification pour l'enfant que j'étais, surgissaient les dépouilles d'un royaume issu tout droit d'un roman d'aventure."

André Malraux se sera, avant Michel Aurillac, inspiré de l'histoire réelle de cet aventurier-roi d'un royaume éphémère, pour écrire La Voie Royale, son premier roman, point de départ d'une carrière littéraire aujourd'hui bien connue. De nos jours, le musée Khải Định a été détruit et la tombe de Mayréna, ensevelie quelque part dans un cimetière malais, reste introuvable. Ainsi finit l'histoire de ce conquérant, mort presque oublié de tous et qui a eu ses heures de gloire. A l'époque, la fin de l'histoire n'était pas encore écrite, et, en attendant, l'école de la République faisait de toutes ces images colorées, de tous ces beaux livres sur l'Empire français, la panoplie indispensable à toutes distributions de prix aux meilleurs élèves. En vertu des grands sentiments ou en raison des grands principes

républicains, ceux des droits de l'homme et de l'émancipation des peuples, combien de jeunes Français n'ont-ils pas senti s'éveiller en eux "la vocation coloniale", cet appel du grand large pour servir la grandeur de la France et apporter les lumières de la science et de la civilisation aux peuples "attardés" ?



Du Roi Duy Tân aux boat people

Et si - héritage oblige ! - l'enfant né de cette rencontre souhaite, non pas condamner, encore moins justifier, mais comprendre pour mieux digérer le passé dans ses ombres et ses lumières, l'envie sera grande de relire l'histoire dans l'Indochine d'autrefois. En essayant de me mettre à la place d'un Annamite né, lui aussi dans les années 20, il aurait pu être mon père, mon oncle ou un vague cousin éloigné. Dès sa tendre enfance, il a entendu ses parents évoquer avec respect le destin tragique de cet enfant-roi Duy Tân (ce qui signifie, quelle ironie du sort, "Ami des Réformes") : intronisé à l'âge de six ans, destitué vers ses quinze ans en 1916 par les autorités françaises, exilé à l'île de la Réunion pour cause de rébellion pendant plus de trente ans, il trouva la mort dans un accident de l'avion le

ramenant, en 1945, vers sa terre natale. Lors des veillées familiales éclairées d'une vieille lampe à l'huile, on parlera longtemps encore de cet autre enfant-roi d'Annam qui deviendra fou, l'Empereur Thành Thái (ce qui veut dire "Réussite parfaite", une autre ironie du sort) père de Duy Tân, déporté lui aussi à l'île de la Réunion. Il était question de l'histoire de ce roi, souverain par la grâce des autorités coloniales et qui était devenu fou sadique : il ne supportait plus d'être montré à la foule, quelques fois par an, comme une idole, et demeurait le reste de l'année confiné dans la Cité Interdite - palais-prison dorée - entouré de ses femmes et de ses eunuques. Et tant d'autres histoires encore : le Roi Hàm Nghi, ancêtre des deux précédents, exilé en Algérie, dépossédé de son trône également pour cause d'insoumission ; Đê Thám, ce mandarin qui prit les armes contre les Français pendant plus de trente ans et qui sera décrit par les uns comme un pirate, par les autres comme un patriote.

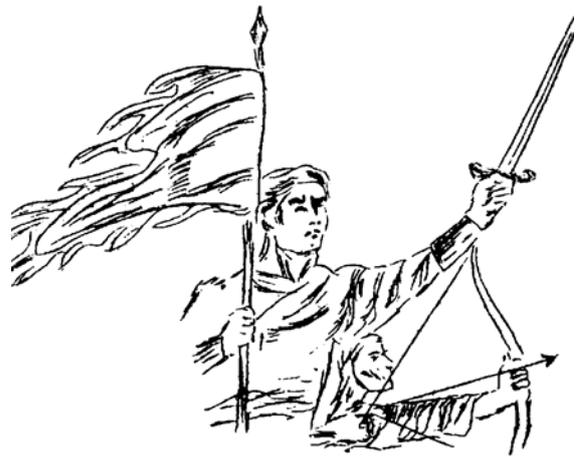
Notre vieil homme annamite se souvient peut-être aussi de la visite officielle de l'Empereur Bảo Đại à Hà Nội, en ce mois de décembre 1933 : petit écolier, il était là, avec ses camarades, en première ligne d'une foule immense, drapeau en main pour saluer le passage de celui qui était son Souverain. Il a entendu avec passion quelques uns de ses grands frères conter l'enterrement grandiose du lettré patriote Phan Chu Trinh, ou encore l'histoire de la révolte de Yên Bái en 1930

dont l'issue pour les conjurés fut le peloton d'exécution, après avoir crié "Vive le Viêt Nam !".

En l'espace d'une quarantaine d'années, nos deux amis, Français et Annamite, auront été témoins d'un bouleversement majeur pour les relations entre la France et le Viet Nam : la décolonisation. En moins de quarante ans, un monde s'est effondré et, avec lui, les certitudes que l'on croyait éternelles de part et d'autre, nous laissant face aux dépouilles de nos enthousiasmes défunts. Voilà un naufrage qui laisse les héritiers de cette rencontre sans repère et sans père. Qui aurait pu deviner que cette aventure - un mariage forcé au début - qui commença sous le signe de l'Évangile selon le Père Alexandre de Rhodes allait se terminer dans le drame de Điện Biên Phủ ?... suivi, quelques décennies plus tard, par la fuite éperdue des forces vives de tout un peuple vers des cieux plus cléments? Et pourtant, au commencement, étaient l'émerveillement, la découverte d'un monde nouveau pour se terminer par un cortège, de part et d'autre, de haines tenaces et de blessures mal refermées.

Confrontés à de pareils chocs, quoi de plus normal que les esprits chancellent, que les cœurs vacillent, que les certitudes et les clichés tombent ! Après tant de bruits et de fureurs, il faut donner du temps au temps pour que l'histoire soit perçue avec la sérénité nécessaire, tant il est vrai que l'Histoire sera toujours réécrite par la génération suivante. Mais en

attendant, au hasard des rencontres, il m'arrive encore de faire la connaissance avec un de ces vieux coloniaux, celui qui, parti là-bas "en Indochine, il y a longtemps", est toujours prêt à déverser ses flots intarissables de souvenirs sur la belle épopée coloniale ; il y en a aussi qui chavirent, s'enfermant dans les sanglots et les regrets de l'homme blanc. Alors, dans le désordre d'un grenier rarement visité et à peine éclairé par une lucarne, entre des cantines de bois poussiéreuses et des cartons d'albums entr'ouverts, l'Histoire livre peu à peu ses derniers secrets à celui qui veut s'y intéresser.



De ces "reliques" surgissent, éparpillées, des décorations et pêle-mêle, des photos jaunies, des vieilles lettres rongées par les mites. Ce qu'on appelle les "poussières de l'Empire" cachent un véritable trésor, témoignage d'une aventure qui a mal tourné, d'un passé difficile à oublier, encore plus difficile à comprendre.

Pour qu'enfin l'amour soit plus fort que la haine

L'héritage oblige ! Le moment venu, il

reviendra alors aux enfants (eurasiens, français ou vietnamiens) nés de cette rencontre entre l'Orient et l'Occident, de tenter renouer le fil de l'histoire afin de regarder le passé en face, dans ses ombres et ses lumières, dans ses grandeurs et ses servitudes... Pour qu'enfin l'amour soit plus fort que la haine, pour que la douleur une fois surmontée, apporte sa récolte d'espérance. Que la France ou le Viet Nam fussent - pour ces héritiers - terre de naissance, pays d'adoption ou d'accueil, ce lien de feu et de sang fait partie d'une mémoire qu'il convient de considérer sereinement, lorsque les passions se sont tuées, pour construire ensemble un nouvel avenir. La vie module son rythme : il y a un temps pour la guerre et un temps pour la paix, tout comme il y a un temps pour tuer et un temps pour soigner ses blessures.

Face à ses cicatrices, legs d'un passé douloureux, chacun réagit à sa manière. En ce qui me concerne, à force de feuilleter des vieilles revues comme Illustration, Le Tour du Monde... et de jeter un regard impénitent et indiscret sur des commentaires a priori anodins, griffonnés au dos de vieilles cartes postales, ou en relisant quelques correspondances d'ordre privé... se révèle à mon esprit, comme par décantation, un tout autre univers me faisant mieux comprendre les "valeurs" d'une époque dans ses préjugés, ses certitudes tranquilles, riches de méandres subtils et insoupçonnés. S'il est vrai que l'Histoire n'est simple qu'après coup, seulement une fois les rideaux refermés, on

pourrait penser que certains peuples, tels les Français et les Vietnamiens, par un penchant naturel, ont tendance à mettre un temps plus long que d'autres à dominer les conflits qui les déchirent. L'addition entremêlée des histoires des uns et des autres, les documents évoqués constituent une matière première d'une valeur inestimable pour sculpter le passé.



Vivant dans un monde aujourd'hui à la fois plus tolérant, plus conscient de la fragilité de nos certitudes, nous mesurons mieux combien l'emprise des signes extérieurs, des couleurs, des bruits, des habitudes alimentaires et vestimentaires est affaire de code social, de convention imprégnée d'arbitraire. Rappelons-nous combien en France, au début de ce siècle les citadins stigmatisaient les ruraux...

Sans prétention scientifique, sans autre ambition que celle du plaisir de la lecture, voici un échantillon d'étonnements et de réflexions de l'homme blanc à la découverte d'un autre univers, celui de l'homme de couleur qui est celui de "nos ancêtres, les Annamites".

Cette démarche s'appuie sur trois documents principaux :

"Trente mois au Tonkin" par le Docteur Edouard Hocquard, Médecin-Major de 1ère classe, ouvrage publié en 1884 dans la revue Le Tour du Monde, sous la forme de "narrations" la suite à la prochaine livraison .

Cet ensemble, publié à rythme régulier pendant tout le séjour du Docteur Hocquard, constitué des missives d'un reporter avant la lettre. Ces écrits constituent, à mes yeux, un témoignage rare d'une grande valeur, car il s'agit d'un regard double, intéressant à plus d'un titre : celui de l'homme des armes occupant un rang élevé dans la marine et celui de l'homme de sciences médicales. Par ailleurs, son appartenance à un milieu social traditionnel qualifié de "grande famille" donne un relief particulier à ses observations minutieuses sur cette Indochine de papa. Enfin, ses réflexions sur les moeurs et coutumes des "indigènes" sont agrémentées de gravures de l'époque. En somme, le point de vue d'un aristocrate, homme de sciences, du goupillon et de la croix.

L'Indochine d'autrefois de Michel Germain présente la particularité de contenir, outre une belle collection de cartes-postales, des extraits de correspondances privées, adressées vers 1908 à ses deux soeurs par Paul Février. Notre homme appartenait à une autre couche sociale, il était parti de Toulon comme simple soldat engagé volontaire au 9ème régiment d'infanterie coloniale. Ces surprises, d'une écriture rapide, présentent le regard d'un militaire en garnison et nous offrent le charme de l'authenticité, de la sincérité de tout l'imaginaire littéraire.

Enfin "Ma soeur aux yeux d'Asie", roman de l'écrivain français Michel Ragon. Dans le décor d'une France en déroute, celle de 1940, entrecoupé de promenades sur les vertes

vallées des amours enfantines, deux adolescents privés d'école, découvrent en lisant, au fond du grenier, les lettres authentiques écrites par leur père à sa soeur et à son frère de 1909 à 1922. A travers ces correspondances d'ordre intime, l'auteur nous fait sentir peu à peu les réactions du père, vendéen "de souche paysanne", deux fois engagé volontaire en "Indo" pour fuir la misère et qui deviendra là-bas, sous-off de la Coloniale. Au travers de cette Indochine ressuscitée, en même temps que la découverte de cette Eurasienne, celle qui fut en réalité sa demi-soeur, ramenée de "là-bas" le romancier nous fait comprendre - avec une tolérance toute filiale "ce qu'il appelle" ce racisme, cet impérialisme tranquille, étalé sans complexe et sans remords .

Voici, en raccourci, comment le Viet Nam était perçu, en ce temps-là.

Les dents laquées noires.

Ces dents, qui auraient pu être celles de ma grand'mère, étaient décrites avec horreur par le père de l'écrivain Michel Ragon vers 1910:

"Ce qui est horrible, c'est leurs dents noires. Surtout les femmes, les dents peintes en noir, exprès, ça me fait rire. Comme elles cliquent du bétel du matin au soir, elles ont les dents noires, ce qui est déjà repoussant. Plus elles sont riches, plus ça empire, puisque les riches se font laquer de noir toute la mâchoire".

Dans son ouvrage, le Docteur

Hocquard rapporte cette anecdote :

“Les dents seraient superbes si elles n'étaient pas laquées en noir brillant,... cette mode transforme la bouche des annamites qui je le répète, serait charmante sans cela, en une sorte d'hiatus noir, que les officiers du corps expéditionnaire ont comparé, avec juste raison, à une bouche d'égout.

...Si les Européens éprouvent une véritable répulsion pour les dents laquées, les annamites ne peuvent de leur côté supporter nos dents blanches. Pendant une fête donnée au palais du gouvernement à Saïgon, un officier s'approche d'un haut fonctionnaire annamite qui regardait danser les invités du gouverneur :

- Eh bien, grand mandarin, chuchote-t-il à son oreille, que dites vous de nos Françaises ?

- Je les trouve jolies, répond l'Annamite, seulement elles ont les dents de chiens !”

On constate encore aujourd'hui, dans une culture, la couleur noire synonyme de beauté, alors que dans un autre univers, elle est symbole de laideur et de douleur. En Occident, un enterrement est paré de noir alors qu'au Viet Nam, les proches sont habillés de blanc. En Europe, le soleil de l'été pousse les hommes et les femmes à rechercher le bronzage ; en Asie, pour rester belles, les femmes fuient le soleil pour garder le teint clair. Aujourd'hui encore, à Saïgon, pour rester belles pendant la période de grande chaleur, les femmes portent

des gants jusqu'en haut des bras. Simple affaire de convention ! Néanmoins, placé dans le contexte de la conquête coloniale, le mépris était total et réciproque. Quant à la blancheur des dents de nos amies Françaises, les descendants des Annamites finissent par les trouver d'une grande beauté.



Comment distinguer les hommes et des femmes ?

Voici comment, en ces années-là, les Annamites étaient perçus par le père de l'écrivain Michel Ragon:

“Le pays serait beau s'il n'y avait pas les indigènes qui sont tous laids et repoussants. Tu ne peux imaginer comme ils sont sales et comme ils sentent mauvais. En plus ils sont tous petits, maigres et jaunes. Sans doute, une fois de plus, ne me croirais-tu pas si je te dis qu'il est impossible de distinguer les hommes des femmes. Ils portent les mêmes vêtements... Ils ressemblent à des singes habillés. En plus, ils se coiffent de

chapeaux pointus, tout-à-fait comiques, qui ressemblent à des abat-jours...



Hier, comme nous faisons une marche dans la brousse, nous sommes passés près d'un village. Les indigènes repiquaient du riz dans un marécage. Ils se sont mis à piailler en nous voyant, dans leur langue de singe... Un soldat de ma section, qui a toujours le mot pour rire, s'est détaché des rangs et s'est approché d'un groupe de femmes annamites... qui le regardaient en grimaçant ce qu'elles croyaient sans doute des sourires. Le capain s'est mis à agiter et à se gratter comme font les singes. Il s'est approché tout près d'une Annamite et lui a dit : Alors, la singesse, on fait ses yeux doux ?... Si j'étais un ouistiti, je ne dis pas que je ne me laisserais pas aller... Mais un marsouin, ... ça ne grimpe pas aux arbres !”

A lire ces lignes écrites il y a plus d'un demi siècle, on mesure combien était long, pour les peuples, le chemin de la tolérance, celui du droit à la différence ! Aujourd'hui, on comprend mieux la réaction de cette demi-soeur de l'auteur, Odette après la lecture de la lettre, elle la jeta rageusement sur le plancher:

“- Alors, tu trouves que je ressemble à une singesse ?”

Ainsi étaient perçus les ð Annamites ù, il y a près d'un siècle: des singes habillés qui poussent des cris incompréhensibles et qui sentent mauvais. Mais avec la cohabitation forcée sous le même ciel, voilà qu'un de ces singes se met à parler, accède au grade de caporal et trouve même le moyen, de temps en temps, de faire rire notre caporal français. Il l'interroge :

“- Pourquoi on nous appelle Fan Kouai ?

- Kouai, cela veut dire diable de l'Ouest. Fan Kouai, c'est les Français, diables de l'Ouest. Et le caporal Cãi riait de ses dents noires.

- Pourquoi as-tu les dents noires, c'est moche ?

- Sergent, tu sais ce que l'on dit, chez nous, les Français ont les dents blanches, comme les chiens”.

Comment saluer une dame ?

Les périodes de chaleur torride, la rigueur du climat suscitèrent parfois des réactions qui, aujourd'hui, nous font sourire. Tel ce propos rapporté par le père Michel Ragon :

“ Tu n'imagines pas la chaleur qu'il fait l'été, au Tonkin. Si tu soulèves ton casque pour saluer une dame dans la rue, tu tombes raide mort. On appelle ça le coup de bambou. Heureusement, il n'y a pas ici une seule dame

à saluer...”

“On les voit toujours affairés, accoutrés dans leurs robes de femme, ridicules. Non seulement ils ont des voix de singe, mais encore ils en ont la queue, ces longues nattes qu'ils se font avec leurs cheveux et qui pendent dans le dos”

Pierre Loti, dans les “Propos d'exil” évoquait déjà:

“La veuve, une pauvre vieille singesse plaintive... Tu fais la gentille, les singesses..”

Les aspects vestimentaires, les coutumes particulières, étaient à l'origine, semble-t-il, des difficultés pour reconnaître l'homme de la femme. D'où des remarques sur ces étrangetés qui, placées dans le contexte d'aujourd'hui, ne peuvent que nous faire sourire. Voici les propos du Docteur Hocquard sur ce thème :

“Voici deux bourgeois, un homme et une femme. Tous deux sont vêtus d'une façon à peu près semblable. Ce qui m'a le plus frappé en arrivant dans cet étrange pays, c'est la difficulté qu'on éprouve, dans le premier temps, à reconnaître les différents sexes à première vue. La coiffure est la même des deux côtés. Le costume est à peu près identique aussi... La physionomie est à peu près semblable, puisque les hommes n'ont pas de barbe et portent un chignon comme les femmes.

...et lorsque nos grands turcos des premiers bataillons de tirailleurs algériens envoyés au Tonkin... ont vu pour la première fois manoeuvrer ces petits indigènes à chignon,

ils se sont mis à éclater de rire en s'écriant : “Mélé ! Mélé ! Soldats-mam'zelles !”

Les chapeaux

Les grands chapeaux du Nord d'autrefois suscitérent des surprises amusées, relevées sur une carte postale de 1909 :

“Tu peux remarquer que les chapeaux des Tonkinois ne sont pas les mêmes que ceux des Annamites. Ils sont en formes de roues de brouette..”



La position accroupie

Cette attitude ne cessera pas d'étonner le visiteur étranger, hier comme aujourd'hui. Pourtant l'interprétation non dénuée de sympathie pourrait nous laisser aujourd'hui pantois :

“Je ne me lasse pas d'admirer la souplesse d'articulation des indigènes: ils peuvent demeurer des heures entières, sans se fatiguer, dans la position accroupie, si pénible pour nous et qui est pour eux l'attitude du repos. Ils ne font presque jamais usage de sièges, et s'ils en ont dans leur maison, c'est plutôt comme ornement que comme objet d'utilité : au lieu de s'asseoir sur son banc,

l'Annamite préfère monter dessus et s'y accroupir dans la posture d'un singe perché". (Docteur Hocquard, Médecin-Major de 1ère classe - Trente mois au Tonkin - 1884).

L'art de manger

On est conscient aujourd'hui que les habitudes alimentaires se forment dès le jeune âge et qu'il a fallu du temps pour savoir apprécier, avec un égal bonheur, la bonne cuisine française et l'excellente cuisine asiatique, maintenant que les restaurants d'Extrême-Orient fleurissent aux quatre coins de France. Mais les choses n'étaient pas perçues autrefois de cette manière, voici quelques réactions:

"Cette carte représente une scène de la vie annamite, la plus curieuse peut-être. Ces gens-là ne se mettent pas à table, ou pour mieux dire, jamais. D'ailleurs leur table est vite mise, elle consiste en un bas-flanc sur lequel se trouve une espèce de plateau contenant des bols pleins de riz. Les Annamites s'assoient sur les bas-flanc à la façon des tailleurs et, au moyen de leurs fameuses baguettes, ils mangent leur riz à moitié cuit... Je t'assure qu'ils ne sont pas entrepris pour les manier." (carte postale vers 1908).

"Vous ne pouvez pas vous figurer ce que mangent les indigènes. Si je te dis qu'ils aiment autant les vers à soie, les fourmis et les abeilles que nous les escargots, tu vas penser que je te dis des menteries. Mais alors quand je vais te décrire que dans le bœuf ce qu'ils

préfèrent, c'est la peau qu'ils font frire,... qu'ils enterrent les oeufs pour manger vieux et noirs, qu'ils aiment les nids d'hirondelle et les ailerons de requin, tu risques de te fâcher... Eh bien... on s'est amusé à goûter les nids d'hirondelle avec les copains et je peux te dire que ça ressemble au tapioca, en plus gélatineux. Quant aux ailerons de requin, ça tient le milieu entre le vermicelle mal cuit et le poil de brosse à dents." (Michel Ragon - Ma soeur aux yeux d'Asie).

Le Nước mắm

Comment parler de l'art culinaire du Viet Nam sans évoquer le Nước mắm ? Aujourd'hui, le palais français est bien habitué à ce condiment bien vitaminé. Il a fallu près d'un siècle ! Voici une dernière réaction qui nous fait sourire :

"Lorsque mon père sut qu'il s'agissait du jus de poisson pourri, il faillit se fâcher. Mais le caporal Côi se moqua :

- Sergent Dõi, j'ai bouffé une fois du fromage français, c'est pourri kif-kif et ça gigotait de vers blancs. Pourtant vous vous léchez la gueule.

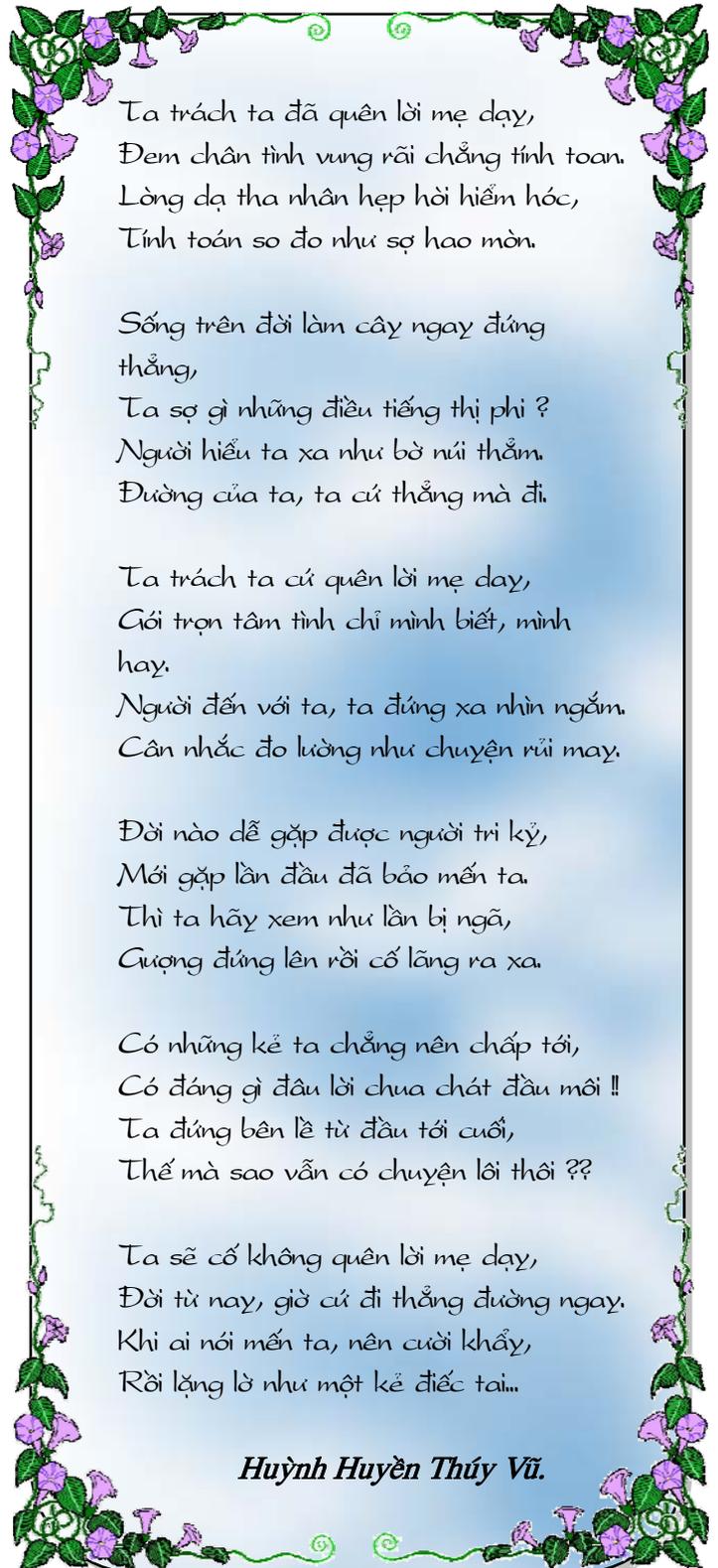
Que dit-il, cet imbécile ? Comparer notre fromage blanc à leur saloperie ! Bien qu'au fond il n'ait pas tout-à-fait tort." (Michel Ragon - Ma soeur aux yeux d'Asie).



Comment s'étonner que cette vie coloniale-là ne laisse pas des traces ? L'Histoire se répétera-t-elle? Une nouvelle page sera-t-elle écrite par une génération plus consciente de la fragilité de nos certitudes ? Peut-être... Marchant sur les traces de sa mémoire, le Général Bigeard déclarait lors de son voyage à Hanoi, à ses ennemis d'hier : "Hier, nous étions divorcés, aujourd'hui, nous allons nous remarier!". L'amour peut-il parfois renaître de ses cendres ? Le miracle est-il possible ? Ou faut-il une foi de charbonnier pour contempler, avec J. Brel, le poète, "...rejaillir le feu de l'ancien volcan... Il est, paraît-il, des terres brûlées donnant plus de blé qu'un meilleur avril..."

En tout cas, une lueur d'espoir perce dans les propos de Madame Simone Veil dans les colonnes du dernier numéro de Médecin du Vietnam, soulignant l'évolution des relations entre les deux pays : "les termes de respect réciproque, partenariat, association, développement, Francophonie etc... remplacent désormais le vocabulaire d'autrefois : conquête, soumission, domination". Et n'est-ce pas là "les signes d'un nouveau rapport basé sur un lien étroit et traditionnel qui a persisté entre les écoles médicales française et vietnamienne ; et cela en dépit des déchirures de notre histoire commune ?" ... ■

PHAM TRONG LE
13/03/95



Ta trách ta đã quên lời mẹ dạy,
Đem chân tình vung rãi chẳng tính toán.
Lòng dạ tha nhân hẹp hòi hiểm hóc,
Tính toán so đo như sợ hao mòn.

Sống trên đời làm cây ngay đứng thẳng,
Thẳng,

Ta sợ gì những điều tiếng thị phi ?
Người hiểu ta xa như bờ núi thăm.
Đường của ta, ta cứ thẳng mà đi.

Ta trách ta cứ quên lời mẹ dạy,
Gói trọn tâm tình chỉ mình biết, mình hay.

Người đến với ta, ta đứng xa nhìn ngắm.
Cân nhắc đo lường như chuyện rủi may.

Đời nào dễ gặp được người tri kỷ,
Mới gặp lần đầu đã bảo mến ta.
Thì ta hãy xem như lần bị ngã,
Cuống đứng lên rồi cố lạng ra xa.

Có những kẻ ta chẳng nên chấp tới,
Có đáng gì đâu lời chua chát đầu môi !!
Ta đứng bên lề từ đầu tới cuối,
Thế mà sao vẫn có chuyện lời thôi ??

Ta sẽ cố không quên lời mẹ dạy,
Đời từ nay, giờ cứ đi thẳng đường ngay.
Khi ai nói mến ta, nên cười khẩy,
Rồi lạng lè như một kẻ điếc tai...

Huỳnh Huyền Thúy Vũ.

Lời Mẹ dạy

Sự Việt Nam Histoire du 4



Ngô Quyền sau khi đã làm được nhiều việc lớn lao hiển hách : bên trong dẹp được nghịch thần, bên ngoài đuổi được bọn cường địch, chấm dứt cái nạn Bắc thuộc kéo dài trên 11 thế kỷ, bèn xưng vương vào năm Kỷ Hợi (939), lập kinh đô nước ta tại thành Cổ Loa (tỉnh Phúc Yên).

Ngô Vương tổ chức lại triều nghi, đặt các phẩm tước, định việc phục sức, chỉnh đốn mọi việc chính trị một cách qui mô. Ông muốn gây dựng sự nghiệp lâu dài, nhưng tiếc rằng số mệnh ngắn ngủi, chỉ ở ngôi vị được sáu năm thì qua đời, thọ được 47 tuổi (năm 944).

Ngô Vương có lập di chúc ký thác việc nhiếp chính lại cho người em vợ là Dương Tam Kha để lập người con lớn là Ngô Xương Ngập lên nối nghiệp. Nhưng Tam Kha oán quyền, tự đặt mình lên ngôi, xưng là Bình Vương. Ngô Xương Ngập sợ bị nguy đến tính mạng bèn bỏ trốn đi. Người em kế là Ngô Xương Văn được Dương Tam Kha nhận làm con nuôi.

Thời bấy giờ, dân chúng không ai phục Dương Tam Kha nên giặc giã nổi lên khắp nơi, mỗi vùng có lãnh tụ riêng gọi là sứ quân. Năm Canh Tuất, được cử

Après avoir réalisé ses nombreux projets magnifiques et grandioses - éliminer les conspirateurs, chasser ses puissants ennemis extérieurs, mettre fin à l'occupation chinoise qui s'est éternisée pendant plus de 11 siècles - Ngô Quyền devint Roi en 939 (année Kỷ Hợi) et établit sa capitale à Cổ Loa, dans la province de Phúc Yên.

Le Roi Ngô réorganisa les rites de la Cour, établit les différents grades et dignités, choisit les uniformes d'apparat et normalisa un à un tous les problèmes politiques. Il voulait réaliser une oeuvre durable mais, malheureusement, son destin fut très court puisqu'il ne régna que durant six années et mourut en 944 à l'âge de 47 ans.

Il avait également rédigé un testament confiant la Régence à son beau-frère Dương Tam Kha afin que le fils aîné, Ngô Xương Ngập, puisse lui succéder sur le trône. Toutefois, par abus de pouvoir, Tam Kha monta lui-même sur le trône sous le nom de Bình Vương. De son côté, Ngô Xương Ngập

cầm quân đi dẹp loạn ở Sơn Tây, Ngô Xương Văn lập mưu cùng binh tướng quay trở về triều lật đổ Dương Tam Kha, lên làm vua lấy hiệu là Thiên Sách Vương, rồi cho người đi rước anh là Ngô Xương Ngập về phong làm Nam Tấn Vương cùng nhau trị vì (sử gọi là Hậu Ngô Vương).



Thiên Sách Vương làm vua được 4 năm thì qua đời (954). Thế lực nhà Ngô mỗi ngày một kém, giặc giã nổi lên khắp nơi, Nam Tấn Vương phải thân chinh đi đánh dẹp luôn luôn và bị tử trận năm 965. Ngô Xương Sĩ là con của Thiên Sách Vương được cử lên nối nghiệp, nhưng nhà Ngô lúc này đã suy nhược lắm, không ai phục tùng nữa. Ngô Xương Sĩ phải rút về giữ tỉnh Hưng Yên, thế lực cũng như một sứ quân mà thôi. Nước ta bấy giờ chia thành 12 vùng, nắm giữ bởi các lãnh tụ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, loạn lạc không ngừng. Người đời gọi thời kỳ này là "loạn thập nhị sứ quân" kéo dài từ năm 954 đến 967.

Đinh Bộ Lĩnh, là con của Đinh Công Trứ, quan Thứ Sử ở Hoan Châu.

craignant pour sa vie, dut s'enfuir. Son jeune frère Ngô Xương Văn devint le fils adoptif de Dương Tam Kha.

Sur ces entrefaites, comme le peuple n'aimait guère le Roi Dương Tam Kha, des troubles éclatèrent partout et chaque région se plaça sous l'autorité d'un seigneur. En l'an Canh Tuất, Ngô Xương Văn, dès qu'il fut chargé de mener ses troupes pour rétablir l'ordre à Sơn Tây, s'arrangea avec les officiers de son armée pour retourner au Palais renverser le Roi Dương Tam Kha : il devint alors Roi sous le nom de Thiên Sách Vương et envoya chercher son frère aîné, Ngô Xương Ngập, pour nommer Nam Tấn Vương et régner avec lui (l'histoire parlera de Hậu Ngô Vương, c'est-à-dire Seconde Période du règne des Ngô).

Thiên Sách Vương ne régna que 4 ans et mourut en 954. Le pouvoir de la dynastie des Ngô s'amenuisait jour après jour. Pendant ce temps, la guerre éclatait un peu partout, obligeant Nam Tấn Vương à aller en personne au combat. C'est ainsi que ce dernier trouva la mort en 956. Ngô Xương Sĩ, fils de Thiên Sách Vương, prit alors la succession. Mais, à cette époque, la dynastie des Ngô était très affaiblie et personne ne la respectait ni la suivait. Ngô Xương Sĩ dut se replier pour conserver la province de Hưng Yên, ne gardant ainsi que les pouvoirs d'un simple gouverneur. Notre pays était alors divisé en 12 régions, tenues par des seigneurs locaux qui se disputaient

Vì cha mất sớm nên theo mẹ về quê sống đời đạm bạc. Trong lúc chăn trâu ngoài đồng bãi, ông thường tụ họp bạn bè lấy bông lau làm cờ, chia bày thế trận đánh nhau. Với khí phách hiên ngang, ông thường được bầu làm thủ lĩnh chỉ huy. Tới tuổi trưởng thành thì uy tín của Bộ Lĩnh ngày càng vang dội. Trong thời loạn các sứ quân, ông và con là Đinh Liễn về đầu quân dưới trướng của Trần Minh Công. Thấy ông có tài, họ Trần cho ông dự phần quan trọng trong việc điều khiển binh đội. Trước khi qua đời, Trần công Minh giao trọn binh quyền lại cho Đinh bộ Lĩnh. Năm được binh mã trong tay, ông bèn dời trại về Hoa Lư, là nơi ông có nhiều thế lực để chiêu mộ thêm hào kiệt, chinh đốn lại lực lượng. Khi nhà Ngô mất, sự tranh giành thế lực giữa các sứ quân càng gay gắt, họ Đinh cũng khởi quân tiến đánh các lãnh tụ khác. Với tài chiến lược thông thạo, chỉ trong vòng một năm, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp được tất cả các sứ quân khác, qui phục được nhiều anh hùng hào kiệt của đất Giao Châu lúc đó. Sau những chiến công oanh liệt này, ông được dân chúng tôn làm Vạn Thắng Vương.

Năm Mậu Thìn (968), sau khi gòm thâu được đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng là Đinh Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lấy nguyên hiệu là Thái Bình Nguyên Niên đóng đô tại Hoa Lư. Ông cho xây cung điện, định triều nghi, và lưu tâm rất nhiều trong việc chinh đốn quân đội. Xuất thân từ quân ngũ nên ông rất trọng

entre eux une part de profit et se révoltaient sans cesse. On eut l'habitude d'appeler cette époque "Loạn Thập Nhị Sứ Quân" (La révolte des Douze Seigneurs), période qui s'étendit de l'an 954 à l'an 967.



Đinh Bộ Lĩnh, fils de Đinh Công Trứ, fut le Gouverneur de Hoan Châu. Son enfance fut marqué par la disparition précoce de son père, l'obligeant à revenir dans son village vivre, avec sa mère, une vie terne. Pendant qu'il gardait les buffles dans les champs, il avait d'habitude de réunir ses camarades, d'utiliser une branche de roseau en guise de drapeau et d'organiser des combats entre ses camarades. Avec son caractère altier, il fut souvent élu au poste de commandement de cette bande. Parvenu à l'âge d'adulte, Bộ Lĩnh vit son influence grandit de jour en jour. Durant la période de révolte des seigneurs, il alla avec son fils Đinh Liễn, se soumettre et rejoindre le camp de Trần Công Minh. Ses talents fut reconnus par le Seigneur Trần qui lui confia ainsi une part importante de

dụng các võ tướng, những công thần và đại thần trong triều đều là các tướng lãnh như: Định quốc Công Nguyễn Bặc, Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn, Nam Việt Vương Đinh Liễn...

Xét thực lực của mình chưa mạnh, quốc gia vừa được hình thành, nếu bị đánh phá bởi nhà Tống phía bắc sẽ có sự bất lợi nên Tiên Hoàng cử sứ bộ qua Bắc triều mở bang giao để cầu hòa. Trong nước thì ông tổ chức lại lực lượng binh mã, qui chế đội ngũ rất chặt chẽ nên quân đội trở nên rất hùng mạnh.

Đinh Tiên Hoàng tuy khởi nghiệp trên mình ngựa, học hành ít ỏi nhưng trong việc điều hành nội trị cũng như ngoại giao rất sáng suốt : cầu hòa phương Bắc để tránh giặc ngoại xâm, xây dựng quân đội để bảo vệ đất nước, kỷ luật nghiêm khắc nội bộ trong nước để duy trì an ninh trật tự sau một thời gian dài hỗn loạn, biết xử dụng người có học thức, nhất là các vị thiền sư có học lực uyên bác rất được trọng đãi (nhà sư Khuông Việt được phong làm Quốc Sư).

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn vì bất cẩn nên bị cận thần Đỗ Thích giết chết, Vệ Vương Đinh Tuệ mới có sáu tuổi được tôn lên làm vua, đánh dấu sự sụp đổ của nhà Đinh sau 12 năm nắm chính quyền.

Vì vua còn nhỏ nên việc nước đều do Dương Thái hậu xử lý. Các tướng Nguyễn Bặc, Lê Hoàn được Thái hậu trọng dụng nên lộng quyền, tạo sự bất mãn và chia rẽ trong giới quần thần. Thấy sự lộn xộn này là một cơ hội tốt

responsabilité dans la direction des armées. Avant de mourir, Trần Công Minh remit tous les pouvoirs militaires à Đinh Bộ Lĩnh. Dès qu'il eut en mains toute la puissance militaire, il ramena son camp à Hoa Lư, où il possédait beaucoup de possibilités de recrutement de troupes valeureuses et de réorganisation de ses forces armées. A la disparition des Ngô, la rivalité entre les seigneurs devint plus violente. Grâce à sa connaissance parfaite de la stratégie guerrière, Đinh Bộ Lĩnh put battre tous les autres seigneurs et obtenir la soumission de nombreux héros valeureux de la terre Giao Châu de cette époque. Après des succès aussi grandioses, tout le peuple l'éleva au titre de Vạn Thắng Vương (Le Roi aux Dix Mille Victoires).



En l'an Mậu Thìn (968), après avoir reconquis tout le pays, Đinh Bộ Lĩnh monta sur le trône avec le titre de Đinh Tiên Hoàng Đế, donna au pays le nom de Đại Cồ Việt et à son ère, celui de Thái Bình Nguyên Niên. Enfin il établit sa capitale à Hoa Lư. C'est lui qui fit édifier des palais royaux, fixa les

nên Tống triều liền kéo đại quân xâm chiếm nước ta.

Để đối phó, Lê Hoàn tiến cử Phạm cự Lượng làm Đại tướng cầm binh chống giặc ngoại xâm. Trước khi xuất quân, họ Phạm tuyên bố : "Hiện thời vua còn nhỏ dại, tướng sĩ đi đánh giặc lấy ai là người biết thưởng phạt cho công minh, chi bằng ta nên tôn ông Lê Hoàn lên làm vua rồi hãy xuất quân".

Quân sĩ đều tán thành, Thái hậu tự tay dâng áo hoàng bào. Lê Hoàn lên ngôi xưng là Đại Hành Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Thiên Phúc vào năm 980.■

What is Love*?

*Trên đường đầy chông gai gian khổ
Có mấy ai tránh được chữ yêu
Dẫu biết yêu là sẽ khổ trăm chiều
Nhưng thà khổ còn hơn là không có
Yêu vội vã tình yêu không bền chặt
Yêu nghỉ ngơi tình yêu sớm lìa tan
Yêu van xin tình khổ lụy vô cùng
Yêu giả dối tình yêu không lối thoát
Yêu mà khổ tình yêu nhiều ngang trái
Yêu mà buồn tình như áng sao rơi
Yêu vội tình sẽ đau khổ khôn lường
Yêu đón độc tình như màn mây xám
Yêu chung thủy tình yêu đời hiếm có
Yêu biết nhường tình yêu vĩnh cửu ngàn năm
Yêu hy sinh tình cao đẹp vô cùng
Yêu chân chính tình không hề khổ lụy*

rites de la Cour et réorganisa l'armée avec un grand soin. Issu lui-même des rangs de l'armée, il avait beaucoup de considération pour les chefs militaires : les mandarins et les hauts dignitaires de la Cour étaient des généraux comme Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc, Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn, Nam Việt Vương Đinh Liễn ...

Estimant que les forces de la nation étaient encore insuffisantes et la création de l'état, encore trop récente pour pouvoir résister à une attaque des Tống à la frontière septentrionale, Tiên Hoàng envoya un ambassadeur au Nord pour nouer des relations extérieures de paix. A l'intérieur, il réorganisa également la cavalerie et promulgua des règlements rigoureux pour l'armée qui rendirent ainsi les troupes aguerries et vaillantes.

Bien que ses études aient été plutôt brèves et que sa carrière ait débuté sur la selle d'un cheval, il fit preuve d'une grande clairvoyance aussi bien dans le gouvernement intérieur que pour les affaires extérieures : du côté du Nord, il signe la paix pour éviter les invasions étrangères et pouvoir ainsi consolider son armée et défendre le pays ; d'autre part, à l'intérieur du pays, les lois sévères permirent d'assurer l'ordre et la paix après une longue période de troubles et de soulèvements ; enfin, il sut utiliser les talents des gens cultivés, en particulier il accorda une très grande considération aux bonzes dont le savoir était si vaste et profond

(c'est ainsi que le Vénérable Khuông Việt fut nommé Conseiller d'Etat).

En 979, Đinh Tiên Hoàng et son fils Đinh Liễn, par manque de vigilance, furent assassinés par un proche collaborateur et courtisan nommé Đỗ Thích. Le Prince héritier Đinh Tuệ, âgé de six ans à peine, devint Roi et accentua la décadence de la dynastie des Đinh après 12 ans de règne.

A cause du jeune âge du Roi, ce fut Dương Thái Hậu (la Reine Mère) qui prit en main les affaires de l'Etat. Les généraux Nguyễn Bặc et Lê Hoàn, nommés par la Reine Mère à des postes importants, en profitèrent pour abuser de leur pouvoir, créer des situations indéliques et semer la division parmi les Mandarins. Profitant des troubles intérieurs, notre grande voisin du Nord - la Chine, dirigée par les Tống - envoya sa grande armée envahir notre pays.

Pour leur faire face, Lê Hoàn nomma Phạm Cự Lượng à la tête de

l'armée qui eut pour la mission d'affronter les envahisseurs. Avant de faire partir ses troupes, le généralissime Phạm proclama : "Actuellement notre Roi est encore trop jeune et inexpérimenté, vous, les combattants qui allez partir la guerre, à quelle responsable clairvoyant et juste allez-vous confier le soin de vous guider et de vous juger ? Avant d'aller combattre nos envahisseurs, je propose donc d'élire Roi, le général Lê Hoàn".

L'armée ayant approuvé cette décision, la Reine Mère offrit d'elle-même le Manteau Royal (attribut du pouvoir suprême) à Lê Hoàn qui monta sur le trône, en l'an 980, sous le nom de Đại Hành Hoàng Đế et avec Thiên Phúc pour nom de règne.■



Tôn Sĩ Nghị... Quia Sông

Được Thanh niên mời đi ăn Tết...
Khán giả rần rần, chật rạp...
Thanh niên lo phận sự chạy muốn hụt hơi...
Lân múa... khán giả rần rần, chật rạp...
Tài tử trình diễn...
Chú Tý bán Coca, nếu nói bán nước chú rầy...



Còn tôi (xin bà con đừng cười) vì ham ăn, thấy món cải "dưa món" ngon quá, chạy xin con cháu (vì vợ quên cho tiền), mua mấy khoanh bánh chưng nóng hổi, bọ đĩa vừa thổi vừa ngốn... hiền nội trộm nhìn thấy đức phu "xe" con người vãn vẻ, áo quần bảnh bao mà ăn uống có vẻ khó coi, nhìn giống Triệu-Tử-Long múa trường thương trên cầu Trường Bản... nên thỏ thẻ giọng âu sầu :

- Ba...! Ba...! từ từ... sắp nhỏ nó nhìn...

- Nhìn thì nhìn chớ..., Quang Trung nhập thành Hà-Nội... ngài đang đãi tướng "Bánh Chưng" mừng chiến thắng... không ăn ngài giận...

Vợ tôi hấy một cái ngoe ngoải bỏ đi, sợ nằng buồn... tôi bèn chùi mép chạy theo. Nhằm lúc mấy "ông già" phát lì xì, lệ tay xin hai ba gói đồ đỏ, cầm đưa cho mẹ nó về phát lại cho đám cháu ngoại đỡ bị bày trẻ chê ông ngoại thiếu "savoir vivre".

Mấy ngày Tết qua mau, lời châu ngọc dạn dò nhớ đâu vài bữa rồi quên tuốt...

Các tùng chinh..., các tùng chinh... Tết Trung-Thu em đốt đèn..., đèn cá chép với đèn ông sao...

À ! Tết Trung-Thu.... Thanh niên tổ chức nữa...

Em cháu lo cho nhi đồng, nào đèn lồng, nào bánh kẹo, văn nghệ tung bùng... Nhưng các em điệu quá, không quên cô bác hết tuổi xuân thì... bánh Trung-Thu thập cẩm, mức bí hột sen, lại thêm vi-cá tẩm rượu Ngũ-Gia-Bì nhập từ bên "Thiên-Quốc" đóng thùng gói qua. Bánh thơm mỡ mượt rượ, thơm phức, vàng lườm, lại có ly trà Ô-Long dẫn nhập nên đôi mắt "dại khờ" (lão mà không chịu đeo kiếng... sợ phái yếu chề già) phục đèn đầu sáng như trăng rằm tháng tám. Cháu gái bung mâm bánh thập cẩm đến mời, mẹ sắp nhỏ biết tánh tôi "ưa ăn", thò tay véo nhẹ bẹn sườn... đau quá... tôi tỉnh trí hết dại khờ... bèn cười e lệ...

- Cám ơn con,... đưa mâm bánh đây cho chú, tao mời mấy Bác giùm cho...

Cháu nhỏ dễ tính... hay vì sợ đồ mấy ly trà hư áo đẹp nên...

- Cám ơn Bác, Bác mời hộ dùm con...

Tôi sợ mâm bánh đi một vòng "lã lướt"..., luôn tiện hốt bốn, năm miếng lệ như Sơn-Đông làm trò ảo thuật bỏ túi "bành-tô" (áo Tây cũng có cái lợi vì túi lớn nên đi đâu tôi ưa vận "u-que"). Rồi nhẹ nhàng, từ tốn khoan thai, tôi vừa nhai vừa nuốt, trà nóng bánh

ngon, lòng thấy thương con cháu... tội nhỏ cực... mà mình đành... thôi lỡ rồi, còn đâu chùng nữa cái bánh hột gà nhưng đậu... nên đành đi luôn ! Mới được được nữa chùng... chà có trục trục kỹ-thuật gì đây, ngực hơi nặng nặng... bụng thấy ồn ào... chớ không phải còn cào (còn cào là dói, còn ồn ào là nó... lên men), bèn khều...

- Em ơi ! cho qua mượn hủ cù là...
- Đau bụng hả !...
- Ồ ! thấy rêm rêm...
- Nàng nắm lấy tay tôi âu yếm...
- Sao tay chân lạnh ngắt vậy nè...!
- Ồ ! kỳ kỳ...!

Nàng nổi giận vì cái bánh Quang-Trung dặn ăn nhỏ nhỏ hôm Tết mới rành rành, nhưng cố tật không chừa, muốn dùng lời "châu ngọc"... nhưng kịp suy nghĩ , dù sao xấu lá xấu nem, xấu chàng thì cũng xấu em... nên lạnh trí liếc ra ngoài hối thúc :

- Lẹ lên Tôn-Sĩ-Nghị ! Lẹ lên Tôn-Sĩ-Nghị (vẻ kêu ngạo)... kéo kệt cầu... không qua kịp bên kia sông...

Tôi cười méo máo :

- Bánh Quang-Trung chắc bụng, còn bánh "Thòn Dành" bội thực kỳ kỳ... con cháu ơi. Lần sau cho bánh cam xục xạc nóng dòn đi các con ơi... chớ Trung-Thu Nguyệt-Bình, sợ Tôn-Sĩ-Nghị không qua kịp cầu phao, bỏ rơi ấn-tính lại dọc đường chắt chắt....■

Mùa Trung -Thu
Evry, 1998..
NGUYỄN



Đêm Quên nhỏ Mẹ

Đêm nay đêm trừ tịch
Lặng ngời bên chốn song
Nhìn trời đêm giá lạnh
Tủi phận mình long đong

Nhớ những mùa xuân xưa
Cũng một đêm giao thừa
Chờ nội may áo mới
Mỏi mòn thiếp trong mơ

Mơ màng nhìn thấy mẹ
Đôi mắt buồn long lanh
Nhìn con rưng rưng lệ
Thương con tuổi còn xanh

Mất mẹ năm lên bốn
Mất nai ngờ ngác nhìn
Tám áo quan đóng lại
Dừng đừng trở tử sinh

Bỏ bầy con năm đứa
Lớn nhất chỉ mười ba
Xuôi tay theo ông bà
Tha nhân cũng xót xa

Mất mẹ không khép chặt
Núm núm đấm con khờ
Tủi nay ai chăm sóc ??
Cho con khỏi bơ vơ !

Năm mười năm trôi qua
Củ mỗi độ xuân về
Qua bao nhiêu dâu bể
Nhớ mẹ lòng tái tê.

Ông bà, cha rồi chị
Theo nhau về với đất
Anh em cũng chia lìa
Ta còn gì để mất ?!

Contes et Légendes

Pourquoi l'eau de mer est-elle salée ?

Il était une fois deux frères : l'aîné, commerçant, était ainsi devenu riche ; alors que son jeune frère, coupeur de bois, gagnait tout juste de quoi vivre seulement au quotidien. A l'approche des fêtes du Têt, le jeune frère, manquant d'argent pour les offrandes à présenter sur l'autel des ancêtres, s'en alla demander l'aumône chez son aîné. Mais ce dernier ne lui donna qu'un jambonneau cuit et le chassa de chez lui.

Le cadet, sur le chemin du retour, traversait un coin de forêt quand il entendit un râle discret et plaintif. Il s'en approcha immédiatement et vit un très vieux bûcheron qui, un pied coincé sous le tronc d'un arbre effondré, était étendu à terre et appelait à l'aide en pleurant. Profondément ému, le jeune homme déplaça le tronc d'arbre, aida le vieux bûcheron à se relever et, pour le consoler, offrit à ce dernier le jambonneau qu'il avait à la main. Touché par tant de bonté, le vieux bûcheron déclina l'offre et dit : "Je voudrais répondre à ton geste et à ta grande bonté. Va porter le jambonneau sur ce rocher là-bas et tu y rencontreras les Génies des Montagnes qui te demanderont ton jambonneau contre des perles et de l'or : tu devras refuser et demanderas de l'échanger contre le vase de porcelaine. C'est un vase magique qui réalisera tous tes souhaits. Cependant, prends garde de ne pas être trop cupide, prends soin de ne pas désirer que le strict nécessaire et, par dessus tout, il faut que tu penses à aider les pauvres en difficulté. Lorsque

Này xưa có hai anh em nhà kia, anh thì nhờ buôn bán nên giàu có, em làm nghề đốn củi chỉ đủ đắp đổi qua ngày. Tết đến, người em túng thiếu không tiền làm cỗ cúng ông bà, mới sang nhà anh nài nỉ. Người anh chỉ thí cho một giò lợn luộc rồi đuổi về.

Người em đi về ngang một cánh rừng, bỗng nghe tiếng rên rĩ thảm thương, liền tìm đến nơi thì thấy một lão tiều phu bị cây ngã đè qua chân nằm kêu la than khóc. Động mỗi từ tâm, người em khuôn lấy cội cây bỏ đi nơi khác, đỡ lão tiều phu dậy và biếu cho chiếc giò lợn luộc cho lão đỡ lòng. Cảm lòng tốt của người em, lão tiều phu từ chối và bảo :

- Ta muốn đáp lại tấm lòng tốt của ngươi, vậy ngươi hãy đem chiếc giò lợn này đến cái động đá đằng kia để gặp các sơn thần, nếu họ đòi đổi giò heo lấy ngọc vàng thì ngươi đừng chịu, phải xin đổi cho được cái hũ sành. Đó là cái hũ thần, ước gì được nấy, nhưng đừng tham lam, chỉ ước đủ dùng thôi, và điều cần nhất là phải có lòng giúp đỡ những người nghèo khó. Khi nào nhận được đủ rồi thì phải hô to "Đủ rồi !", thì tự nhiên miệng hũ sẽ đóng lại.

Nghe theo lời dặn, người em tìm đến động đá quả nhiên thấy rõ các vị sơn thần đang nhảy múa vui đùa. Đánh hơi được mùi thịt lợn luộc, các vị sơn thần nhìn lại thấy người em đang thập thò ngoài động đá liền gọi vào bảo

Truyện Cổ Tích

Vì sao nước biển mặn ?

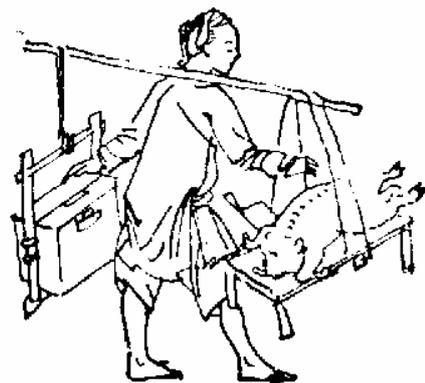
tu auras obtenu ce que tu veux, tu devras crier haut et fort "C'est assez maintenant !" et le vase se refermera de lui même".

Suivant scrupuleusement ces recommandations, le jeune homme alla vers le rocher et aperçut les Génies des Montagnes qui dansaient et s'amusaient entre eux. Alléchés par l'odeur de la viande de porc cuite, ces derniers virent le jeune homme hésiter devant l'entrée de la grotte et l'invitèrent immédiatement à entrer et à échanger le jambonneau contre de l'or et des pierres précieuses. Toujours en respectant les recommandations du vieux bûcheron, il refusa fermement et se contenta du vase de porcelaine. Et les Génies des Montagnes finirent par lui offrir ce vase en échange du jambonneau.

De retour chez lui, le coupeur de bois présenta fièrement à sa femme le fameux vase magique. Depuis lors, les époux obtinrent tout ce qu'ils désiraient. En très peu de temps, ils devinrent heureux et comblés, et demandèrent plus d'argent pour le distribuer à tous les pauvres du village. Leur réputation s'étendit rapidement un peu partout et le frère aîné voulut aussi aller voir ce qu'il y avait de vrai dans cette histoire. Du fait de sa grande cupidité, il apporta tout ce qu'il possédait pour l'échanger contre le vase magique. Mais, connaissant sa cupidité, son avarice et son avidité à amasser des richesses, son jeune frère fut persuadé qu'il oublierait certainement l'amour de son prochain et refusa de donner le fameux

đôi giò heo lấy vàng ngọc. Theo lời dặn của lão tiêu phu, người em nhất định không chịu, chỉ nhận đôi cái hũ sành. Rốt cuộc các sơn thần phải đem hũ sành ra đổi lấy giò heo.

Người em sung sướng đem cái hũ sành về khoe với vợ. Rồi từ đó, vợ chồng ước gì được nấy, chẳng mấy chốc, vợ chồng người em trở nên sung túc, họ ước thêm vàng bạc rồi đem chia lại cho những người nghèo khó trong làng. Tiếng đồn loan ra khắp nơi, người anh liền tìm đến để xem hư thật. Động lòng tham, người anh đem cả sản nghiệp của mình ra xin đổi lấy hũ thần, nhưng biết anh mình tham lam keo cú, ham sự giàu sang quên điều nhân nghĩa nên người em không chịu. Tuy nhiên người anh vẫn không bỏ qua, mới mưu mẹo cùng đứa ở của người em, đánh cắp cái hũ thần rồi cùng vợ lên thuyền trốn ra miền biển.



Giữa lúc đó, người anh nghe được tin các nơi đang thiếu muối, nếu có được nhiều muối đem bán sẽ được nhiều tiền bèn đem hũ thần ra ước. Muối từ trong hũ tràn ra như nước chảy, chẳng mấy chốc mà đầy cả thuyền. Ngật vì người anh chỉ biết có lời ước, không biết cách nào để làm cho hũ thần đóng nắp lại nên

vase. Ne s'avouant pas vaincu, le grand frère soudoya le domestique de son cadet et put ainsi s'emparer du vase magique qu'il emporta, en compagnie de son épouse, sur une barque pour le cacher en haute mer.

Sur ses entrefaites, l'aîné apprit que le sel venait à manquer un peu partout et prévoyant qu'en vendant beaucoup de sel, il deviendrait très riche, il en fit le souhait au vase magique. Le sel se déversa alors rapidement et, en un instant, remplit la barque. Par malheur, l'homme ne connaissait que la phrase de souhait, mais pas celle qui devait faire refermer la vase : c'est ainsi que le sel continua indéfiniment à se déverser tel un raz-de-marée, submergea tout et fit même couler la pauvre barque. Les deux époux indécents périrent alors en plein océan.

Comme le vase ne s'est jamais refermé, le sel a continué à se déverser dans tous les grands océans et à se dissoudre dans leurs eaux. Voilà pourquoi l'eau de mer est, aujourd'hui, si salée. ■

*Extrait des
"Légendes d'Autrefois"
de Tô Nguyệt Đình*

muối cứ chảy hoài như nước tràn, làm ngập và chìm luôn cả thuyền. Hai vợ chồng người anh đều chết đắm giữa biển khơi.

Vì nắp hũ thần không đóng lại được thành ra muối tuôn chảy khắp đại dương, hòa tan trong nước, làm nước biển hóa mặn như ngày nay. ■

*Trích trong
"Truyện Cổ Tích "
của Tô Nguyệt Đình*



Ngày con ra đi
Mẹ đứng tiễn con
Hôn lên vầng trán
Giã từ con đi
Ngày nay con về
Mái nhà năm xưa
Cảnh vật năm cũ
Con chạy tìm Mẹ
Mẹ ở nơi đâu
Mẹ ơi có hay
Con đã về lại
Nhưng Mẹ không còn
Vĩnh viễn ra đi
Lời kính dâng Mẹ
Con khóc nhớ Mẹ
Con khóc cho con
Xin Mẹ phù hộ
Đứa con lưu đày

Nhớ đến
Mẹ

Alexandre de Rhodes

et le Quốc Ngữ

M

Malgré son nom, il n'était pas originaire de l'île de Rhodes, mais d'Avignon. Le Père Alexandre de Rhodes (1591-1660) fut l'un des premiers missionnaires de la Cochinchine. D'une famille juive espagnole convertie au christianisme, ce brillant jésuite, voyageur infatigable, est l'inventeur du Quốc Ngữ, l'alphabet phonétique en caractères romains qu'utilisent les Vietnamiens aujourd'hui. Il débarqua à 34 ans au Vietnam, alors sous tutelle portugaise. Dérouté par la langue locale, il l'apprit cependant très vite et six mois plus tard, il prêchait l'évangile en vietnamien ! Par la suite, il apprit aussi le japonais, le chinois, l'hindoustani et le persan. Doté d'une érudition exceptionnelle, il composa le premier dictionnaire annamite-portugais-latin (1651). Le Père de Rhodes a transcrit des milliers et des milliers de mots vietnamiens en caractères romains, provoquant une révolution dans la culture traditionnelle. Jusque-là, le vietnamien s'écrivait en "chữ nho" (caractère chinois) et en "chữ nôm" (écriture mêlant les idéogrammes chinois à leur transcription phonétique). Avec la généralisation du Quốc Ngữ, le pouvoir mandarin fut menacé. Cette nouvelle langue vietnamienne se rapprochait des normes européennes tout en se détachant de ses racines chinoises millénaires. Dès le XVII^e siècle, le vietnamien devint lisible par

n'importe quel Occidental. L'Eglise et l'administration coloniale française s'en servirent au XIX^e siècle, mais ce n'est qu'à partir de 1906 que l'enseignement du Quốc Ngữ devint obligatoire dans les écoles. Elle devint l'écriture nationale du Vietnam en 1919, après l'abolition des concours littéraires triennaux. Certains nationalistes vietnamiens admettent aujourd'hui que la romanisation de leur langue fut un bon moyen pour soustraire la nation à l'emprise culturelle chinoise mais que ce fut aussi le premier maillon de l'engrenage colonial...□



A

Em đã quên anh,
Như quên chiếc giày.
Mang hoài mòn đế,
Đem vất cho xong.

Em đã quên anh,
Như quên chiếc khăn.
Xài xong vất bỏ,
Chẳng chút băng khoăn.

Em đã quên anh,
Như quên trái chanh.
Vắt xong bỏ vỏ,
Ôi ! tình hết xanh.

Anh vẫn nhớ em,
Nhớ kỷ niệm quen.
Nhớ lần gặp gỡ,
Ta đã trao duyên.

E
m

a

u

ê

n

n

h

n

h

o

Về Sầu
(25/6/97)

Anh vẫn nhớ em,
Nhớ ánh mắt đen,
Nhớ đôi môi đỏ,
Làm anh đảo điên.

Anh vẫn nhớ em,
Nhớ dáng em thanh.
Nhớ câu tình tú,
Nhớ nụ hôn nhanh.

Anh vẫn nhớ em,
Nhớ câu thề ước.
Lời hẹn trăm năm,
Tình có như không.

Thôi hãy quên nhau,
Cho lòng hết đau.
Nếu còn gặp lại,
Tình thay tiếng chào.



Cám ơn người bạn cũ
Đã gọi lại hồn thơ
Thuở làm thơ học trò
Mang đầy nét ngây thơ.

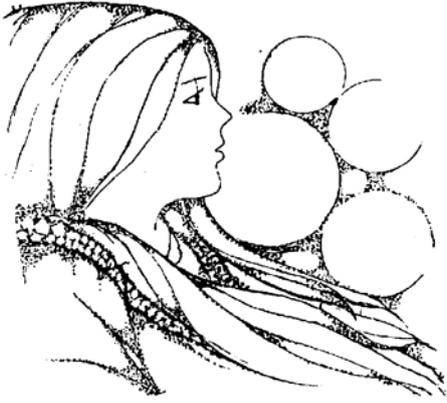
Cám ơn người bạn cũ
Đã gọi lại hồn thơ
Hồn thơ nay không còn
Chứa nét vẽ ngây thơ.

Lời thơ cũng khô cằn
Thơ tôi chỉ có buồn
Thơ tôi chỉ nhớ nhung
Mượn thơ ghi lại dấu
Những kỷ niệm năm xưa.

Từ mái trường năm xưa
Bọn mình mười mấy đứa
Mỗi đứa ở một nơi
Đứa còn lại quê nhà
Đứa vĩnh viễn ra đi
Đứa tha phương xứ lạ
Bọn mình mười mấy đứa
Vĩnh viễn ở xa nhau
Biết bao giờ gặp lại
Mái trường xưa còn đó
Ghi dấu kỷ niệm xưa.

N
h
ở bạn

M.T.
Tháng 11/98
Nhớ đến Tuyết Trinh
và tất cả các bạn
ở Hoàng Hoa Thám



*Đời mẹ bạc trắng niềm đau
Chứa qua hết thời xuân thắm,
Tất tả vai gầy gánh nặng
Nợ đời mang mãi về sau.*

*Đời mẹ gãy đôi sợi tóc
Mấy mươi năm còm áo rã rời
Hạnh phúc chứa hề bắt gặp
Ân tình cần nhắc đây vơi.*

*Đời mẹ quẩn quanh ngõ hẹp
Tưởng lai nhạt khói mờ sương
Dĩ vãng xuôi dòng nước mắt
Tính ra mấy nổi đoạn trường.*

*Đời mẹ là tờ giấy chàm
thấm nhẹ, nỗi buồn lan sâu
Đời đã pha màu tóc trắng
Còn gì, còn gì nữa đâu ?*

*Mẹ ơi còn gì góp nhặt
Mảnh đời tan nát buồn đau
Tưởng lai sẽ về góp mặt
Đời ta sống chỉ vì nhau.*

Đời Mẹ

P

*Năm em mười bảy tuổi,
Anh vừa tròn hăm lăm.
Nhà chúng ta ở gần,
Đi về chung một ngõ.*

h

*Sang năm mười tám tuổi,
Em tập tễnh làm thơ.
Anh về gom ước mơ,
Chép lên thành bài nhạc.*

ù

*Rồi đến năm mười chín,
Em mộng làm mình tinh.
Mãi mê theo ảo ảnh,
Của kiếp đời phù vinh.*

*Năm tròn tuổi hai mươi,
Em bỏ học vào đời,
Mong làm ngôi sao sáng
Dưới bầu trời thênh thang.*

d

*Mừng mộng ước không thành,
Ngôi sao chỉ chớp nhanh.
Rời đi vào quên lãng,
Giữa bầu trời mông manh.*

u

*Anh thành anh nhạc sĩ,
Tay trắng với cây đàn.
Bao năm còn lận đận,
Một kiếp đời lang thang.*

*Rồi bao năm trôi qua,
Hai cảnh đời chia xa.
Đôi khi chợt nhớ đến,
Mộng lòng đã phôi pha.
Đến khi ta gặp lại,
Em một đời dở dang.
Anh một kiếp đa mang,
Thê nhi còn nặng nợ.
Nhìn nhau ta không nói,
Rồi ngoảnh mặt quay đi.
Quên hết thuở xuân thì,
Quên luôn thời quá khứ.*

Ve Sầu.
(Tháng Tám 1997).

La cuisine



VIETNAMIENNE

La cuisine vietnamienne a beaucoup de qualités et très peu de défauts : elle est fine et légère (difficile d'être obèse au Vietnam !), vraiment pas chère, et très variée (près de 500 plats). Bien qu'elle s'en inspire parfois, elle se distingue nettement de la cuisine chinoise par le fait qu'elle est moins grasse et moins enrobée de sauces et qu'elle comporte beaucoup plus d'herbes et de légumes naturels. Mais surtout : la carte d'un restaurant vietnamien restera toujours plus simple à lire que celle d'un resto chinois. Un ingrédient fondamental sépare définitivement les cuisines vietnamienne et chinoise : c'est le "*nước mắm*", sauce de couleur brune faite à partir de la fermentation de poissons salés. Voilà un condiment national qui fait l'unanimité, du nord au sud ! Comme dans tous les pays du monde, les variantes régionales existent : la cuisine du Sud a une saveur plus sucrée que celle du Nord, parce qu'on y met souvent du lait de coco au cours la cuisson. La cuisine du Centre (*Huế, Đà Nẵng...*) se singularise par l'abondance des produits de la mer.

Les baguettes

Au Vietnam, que l'on soit recroquevillé sur ses talons sur un trottoir, ou confortablement installé devant une table chic, on mange toujours avec des baguettes. Elles sont si bouddhiquement pacifiques, ces baguettes, qu'elles ne savent ni piquer, ni transpercer, ni découper !

Mais il faut quand même de la dextérité pour réussir à tenir une boulette toute ronde

entre deux baguettes ! C'est tout un art ! En cas d'échecs répétés, nous proposons un raccourci occidental un peu féroce : piquez-y votre baguette ! Pour manger un bol de riz, les vietnamiens approchent celui-ci de leurs lèvres et enfournent à coup de baguettes le contenu du bol dans leur bouche (comme en ramant). N'en soyez pas choqué car c'est la méthode la plus efficace. Les Européens préfèrent laisser leur bol sur la table et transporter le riz au bout des baguettes jusqu'à leurs lèvres : ce qui, avec un peu d'adresse et... de patience, est tout à fait jouable.

Le riz

En vietnamien, prendre son repas se dit "*ăn cơm*". Si l'on traduit littéralement, cela signifie "*manger du riz*". L'habitude est bien révélatrice de l'importance du riz dans la vie quotidienne. Selon un vieux proverbe : "*Pour faire la guerre, il faut du riz ; pour faire la paix, il faut du riz aussi !*".

Il existe trois sortes de riz : le riz normal avec des grains ronds et blancs, le riz gluant qui présente des grains opaques (il sert à confectionner des gâteaux et des offrandes), et enfin le riz parfumé, reconnaissable à ses grains allongés.

On trouve bien du riz complet, non décortiqué, sur les marchés, mais les Vietnamiens ne le mangent pas et il n'est jamais utilisé dans la cuisine.

Généralement, les restaurants vous

servent un bol de riz blanc en accompagnement d'autres plats (viande, poisson...). A vous de faire votre mélange dans l'assiette. Sinon, on peut demander des plats à base de riz comme le "*Com tay cầm*": c'est du riz aux champignons mélangé avec de fines lamelles de poulet et de porc au gingembre.



Les soupes

Le "*Phở*" est un des plats les plus courants. Le mot "*Phở*" est inscrit partout. Dès que l'on aperçoit ces trois lettres au bord de la route, cela veut dire qu'on peut y manger de la soupe ! Autre astuce bien pratique : si vous entendez "*ding dong ding dong*", il s'agit sûrement du marchand de soupe ambulant. Le gamin qui l'accompagne frappe sur un morceau de bambou ou une pièce de métal. Mieux que "*Pizza 30*", on livre à domicile sans même avoir à commander ! Le "*Phở*" est une soupe de nouilles, originaire du Nord, qui s'est répandue dans tout le pays. On le sert dans un grand bol. Il s'agit d'un bouillon obtenu en faisant bouillir des os, du gingembre et du "*nước mắm*" (évidement). Dans ce bouillon, on met des morceaux de viande de boeuf ou de poulet, des herbes, de la coriandre, de l'anis, des épices et parfois des clous de girofle. C'est un mélange de liquide et de solides, à la fois léger et copieux, que les vietnamiens consomment à n'importe quelle heure de la journée. La soupe a ses variantes régionales, ce qui la rend encore plus savoureuse en voyage ! Au Nord, le "*Phở*" est

toujours servi avec des nouilles blanches (vermicelles à base de riz). La soupe du centre du pays s'appelle "*Bún Bò Huế*", est à la base de boeuf et de nouilles. Au Sud, la soupe traditionnelle est le "*Hủ tiếu*", autre type de soupe faite avec des vermicelles de riz, mais avec du porc.

Le "*Miến lươn*" est une soupe aux anguilles avec des vermicelles transparents faits avec de la farine de riz mélangée à du manioc en poudre. Il y a d'autres "*Miến*": "*Miến gà*" (au poulet), "*Miến cua*" (au crabe), ...etc...

Le "*Bún Thang*" est une soupe de nouilles de riz avec un bouillon et des morceaux de poulet, d'omelette et de crevettes. C'est une soupe originaire du Nord du pays.

Le "*Lẩu*", communément appelé la "*fondue chinoise*", est une soupe de légumes et de poissons, servie dans un bol spécial.

Le "*Mì*" est une soupe contenant de nouilles jaunes faites avec de la farine de blé (elles se rapprochent des nouilles italiennes).

Les plats traditionnels

Ils sont nombreux :

* Le "*Nem*" : Qui ne connaît pas ce petit rouleau, appelé aussi pâté impérial ou encore "*Chả Giò*" dans le Sud. C'est une des spécialités du Vietnam : il est constitué d'une crêpe de riz enroulée en cylindre, contenant des petits vermicelles, du crabe, des morceaux de porc, des lamelles d'oignons et d'omelette, ainsi que des champignons de mer ("*Mộc nhĩ*"). Les nem sont frits dans de l'huile puis servis chauds et croquants. Ils constituent une excellente nourriture, saine et légère.

* Le "*Bánh cuốn*", appelé aussi "*ravioli vietnamien*", est fait à partir d'une pâte de riz cuite à la vapeur, farcie de porc haché et de morceaux de champignon noir. On le sert avec du "*nước mắm*" coupé d'eau, additionné de vinaigre, de sucre, d'ail et de poivre.

* Le "*Bò bảy món*" : c'est le boeuf aux 7 manières, soit 7 plats de viande de boeuf que

l'on sert dans certains restaurants spécialisés (la mention "*Bò 7 món*" figure sur leur carte de visite ou sur leur façade). Une de ces façons de cuire le boeuf consiste à tremper la viande dans le récipient contenant de l'huile bouillante (sorte de fondue) ou d'en faire griller des morceaux prédécoupés sur une plaque posée près de vous sur la table.



* Le "*Chả cá*" est une des plus fameuses spécialités du Nord. Il s'agit d'un filet de poisson frit et non grillé, servi avec des vermicelles de riz, des herbes aromatiques, des cacahuètes grillées. Le tout sera parfumé de quelques gouttes de cà cuống (essence très volatile provenant du corps d'un insecte). Ce plat un peu exceptionnel coûte plus cher que les plats habituels.

* Le "*Ốc nhồi*" est une délicieuse farce à base d'escargot, enveloppée dans une feuille de gingembre, et cuite à la vapeur dans une coquille (d'escargot bien sûr). Plat très fin et parfumé.

* Le "*Chạo tôm*" : Des bâtons de canne à sucre, enrobés d'une pâte de crevette, sont ensuite grillés et servis avec des feuilles de laitues et des herbes aromatiques.

* Le "*Canh chua*" est une soupe de poisson et de légumes à la saveur aigre-douce en raison des tamarins (fruits du tamarinier) que l'on y met pour la cuisson. Voilà un plat typique du bord de mer. Il s'accommode de diverses façons selon le poisson utilisé : le "*canh chua cá lóc*" étant le plus demandé.

Les pâtisseries vietnamiennes et confiseries

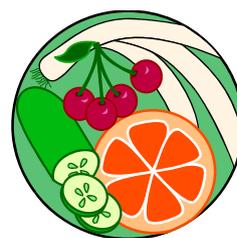
Vos papilles doivent se mettre en éveil à la lecture des mots "*Bánh*" (gâteau) et "*Mứt*" (fruits confits), que les restaurants inscrivent

sur leurs cartes.

* "*Bánh chung*" : les vietnamiens ne mangent ce gâteau salé qu'à l'occasion de la fête du "*Tết*" (Nouvel An vietnamien). Il est sans doute aussi exceptionnel ici que le foie gras en France. On trouve le "*bánh chung*" dans toutes les vitrines et sur toutes les tables durant cette semaine de fête particulière. Il s'agit d'un gâteau de riz gluant enveloppé dans des feuilles de latanier ou de bananier (ce qui lui donne la couleur verte). De forme carrée, il contient des pois cassés et des morceaux de porc salé et poivré. Dans le Sud, il est cylindrique ("*bánh tét*").

* "*Bánh bao*" : pâtisserie d'origine chinoise que les vietnamiens dégustent au petit déjeuner ou au goûter. C'est une brioche cuite à la vapeur, farcie de viande de porc, d'oignons, de champignons parfumés. On y trouve un morceau d'oeuf dur et une fine tranche de "*Lạp Xưởng*", sorte de saucisson sec.

* "*Bánh dẻo*" : on le confectionne et on le consomme uniquement à l'occasion de la fête de la mi-automne ("*Tết Trung Thu*"). Gâteau à base de farine de riz gluant, fourré de confits, de graines de sésame, de graisse. Ce gâteau très sucré s'accompagne à merveille d'une tasse de thé au jasmin.



* "*Mứt*" : fruits confits confectionnés à l'occasion de la fête du "*Tết*", mais on les trouve quand même en vente le reste de l'année. Les "*mứt*" les plus courants sont ceux à la noix de coco ("*mứt dừa*"), à la patate douce ("*mứt khoai*"). Les plus fins sont les "*mứt sen*" (aux graines de lotus), "*mứt quất*" (au kumquat), et les "*mứt mã cầu*" (au corossol)...

Les desserts

Le dessert vietnamien est plutôt composé de fruits frais que de pâtisseries. Les plus courants sont l'ananas, la banane, l'orange, la papaye (très rafraîchissante) et le pamplemousse. Les fruits exotiques sont plus rares et donc plus chers : la mangue ("xoài"), le mangoustan ("mãng cụt"), le ramboutan ("chôm chôm"), et le longane ("nhãn"). Le jacquier ("mít") et surtout le durian ("sầu riêng") dégagent un arôme spécial.

Il existe aussi des desserts cuisinés comme le "Chè". C'est un dessert sucré, sorte de "pudding" que l'on sert chaud ou froid avec de la glace pilée. Le "chè" est confectionné à partir d'ingrédients très variés : haricots blancs ou maïs ou même patates douces. Le tout est arrosé de lait de noix de coco.

Le souvenir de la France

La France a laissé au Vietnam quelques souvenirs gastronomiques.

* Le pain ("bánh mì") est bon, même si son goût est différent du pain français. On trouve aussi des croissants, du jambon, du pâté.

* Le fromage : De tous les fromages qui ont circulé naguère au Vietnam, un seul, La Vache Qui Rit, a laissé sa marque et son logo.

* Les yaourts : Une autre saveur française ayant fait souche : les yaourts. On en trouve partout, dans les gargotes, dans les petits "café-kem". Les Vietnamiens ont conservé le nom français (d'origine turque à vrai dire...) et le servent glacé dans un petit pot en verre.

Miam ! Miam !

Et bon appétit !!!

Extrait dans
"Le Guide du Routard - Vietnam"



*Giấc mộng Hồng Lâu có thực không ?
Người yêu thơ đã ngủ âm thầm.
Hoa rơi mấy kẻ ngồi thương tiếc
Yến tiệc không còn bên ánh trăng.*

*Lâu các thanh thanh chỉ là mơ,
Tiên tương quán cũ biết ai chờ ?
Dinh hoa khoảnh khắc tan bèo bọt
Còn lại cho đời một chút thơ !*

*Mây hỏi tơ lòng bay về đâu ?
Ương vương mái tóc người bên lầu
Lệ rơi tan giữa màu hoa cỏ,
Tình gửi mây ngàn hẹn kiếp sau.*

*Tà áo giai nhân buồn trong gió,
Dàn thơ cho người vương lệ sa
Khánh tướng, công hầu tan cát bụi
Ai người mệnh bạc kẻ tài hoa ?*

*Cảnh cũ vườn xưa trắng tịch mịch
Thềm hoang hiên vắng hoa còn bay
Chân gửi cuộc đời như giấc mộng !
Thực hư kiếp sống, tàn cơn say.*

*Hoa đào bên rèm buồn chơi vơi,
Xuân thắm qua đi chẳng tái hồi
Đâu cánh hoa xưa người vẫn cười
Đâu Hồng Lâu Mộng chút hương rơi.*

HUYỀN HUYỀN VÂN TRANG

Những hoạt động thường xuyên của Hội



Thể thao - Activités sportives

Đội đá banh AJVE tập dợt mỗi sáng chủ nhật từ 10g30 đến 14g00 tại sân banh của quartier Les Champs-Elysée (Evry).

L'équipe de foot de l'AJVE s'entraîne tous les dimanches matins de 10h30 à 14h sur le terrain du quartier Champs-Elysées (Evry).



Anh Giám : 01 60 78 69 32
Anh Trước : 01 39 83 77 95



Lớp tiếng Việt - Cours de vietnamien

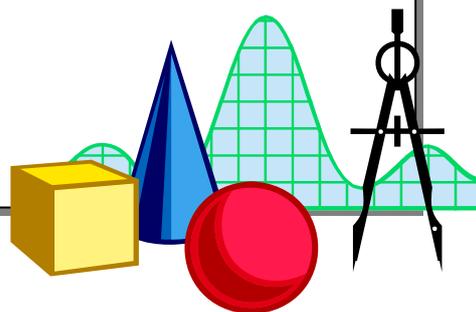
Mỗi chiều chủ nhật từ 14g30 đến 18g00 tại:
Tous les dimanches de 14h30 à 18h00 :

M.J.C., place Général de Gaulle - 91000 EVRY.

- * Lớp vỡ lòng : dành cho các em nhỏ học đánh vần, tập đọc.
L'alphabétisation pour les enfants.
- * Lớp người lớn : tập đọc, viết và đối thoại tiếng Việt .
Cours de Vietnamien pour adultes (lire, écrire, dialoguer)
- * Lớp học kèm : Chủ yếu các môn Toán, Lý, Hoá.
Soutien scolaire : mathématiques, physique, chimie.
- * Lớp vi-tính : Dạy căn bản xử dụng máy điện toán.
L'initiation à l'informatique



Bác Hậu : 01 64 96 46 26
Anh Trước : 01 39 83 77 95
Anh Cường : 01 64 97 80 95





Văn nghệ - Activité artistique

Ban nhạc của hội tập dợt mỗi chủ nhật từ 15g00 tại :
L'orchestre de l'AJVE s'entraîne tous les dimanches à partir de 15h au

Maison du quartier Jacques Prévert - 91000 EVRY

Mong đón nhận những khuôn mặt mới yêu thích văn nghệ (ca vũ nhạc kịch) đến đóng góp tài năng.



Anh Giám : 01 60 78 69 32



Báo chí - Activité culturelle

Tờ đặc san *Người Việt Evry Số 5* do ban Báo chí Hội thực hiện sẽ được ra mắt vào khoảng tháng hai nhân dịp Tết Nguyên Đán 1999, mong đón nhận sự ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt : bài vở, ý kiến, và nhất là tài chính.

Le bulletin Người Việt Evry, réalisé par notre association, fera sa prochaine apparition vers février 1999 à l'occasion de la fête du nouvel an. Nous souhaitons compter sur votre contribution pour la réalisation de ce bulletin : vos suggestions, surtout vos aides financières,...



Anh Giám : 01 60 78 69 32
Chị Thúy Vũ : 01 69 91 23 57



Trong năm vừa qua, nhờ sự giúp đỡ và ủng hộ của các bậc phụ huynh trong vùng, Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry đã tổ chức được hai đêm hội trong dịp Tết Nguyên Đán và Tết Trung Thu.

Trên phương diện hoạt động xã hội, Hội có nhận đỡ đầu và trợ giúp tài chính cho em Hạnh ở Bến Tre bị mù từ nhỏ để em có điều kiện tiếp tục việc học. Thêm vào đó, Hội cũng có tham dự vào chương trình Téléthôn trong tháng mười hai vừa qua. Hội rất mong sự trợ giúp của các bậc phụ huynh để có thể tiếp tục các hoạt động đó.

Hoạt động trong năm qua

Luộm lặt

Nhật Bản nghiên cứu gạo

Chương trình nghiên cứu của Nhật Bản nhằm thiết lập sơ đồ và cách sắp xếp các gen của gạo vừa được một sự trợ giúp tài chính bất ngờ. Sự hỗ trợ này (15 triệu đô-la) đến từ Association japonaise de course (Hội đua ngựa Nhật Bản), một loại PMU bản xứ. Trong số những tay đánh ngựa, những phụ nữ làm việc trong văn phòng là những tay đánh cá kỳ cựu. Kết quả là chương trình nghiên cứu về gạo đứng ngang hàng với chương trình nghiên cứu về người trên lãnh vực tài chính, thu gom nỗ lực của 160 công ty trong một dự án dài 7 năm và cũng đồng thời lôi kéo những nhà chuyên môn giỏi trong xứ. Mục đích là, ngoài danh sách các gen, cô lập những thành phần hữu ích nhất trong gạo nhằm gây ra một loại gạo mới với sức chịu đựng và mức thu hoạch cao hơn mà vẫn giữ được hương vị và chất lượng như trước. ■

Học trực tiếp từ bệnh viện

Xoá bỏ sự cô lập của các trẻ em bị bệnh, đó là mục đích của đề án đang được thực hiện bởi nhóm bác sĩ nhi khoa, đứng đầu là bác sĩ Marie Favrot, tại bệnh viện Léon-Bérard ở Lyon. Với sự giúp đỡ của hãng Data Point, nhánh nhi

khoa của bệnh viện đã có được phương tiện nối liền liên lạc giữa các phòng bệnh cách ly và các phòng giải trí với một lớp học đặc biệt của trường trung học chuyên môn Elie-Vignal. Với đặc tính hỗ tương tác dụng, phương tiện liên lạc này đã giúp cho những trẻ em cô lập do bệnh có thể đối thoại được với các giáo sư. Mục đích chính là giúp cho những trẻ em sơ cấp và trung cấp có thể tiếp tục chương trình học trực tiếp từ bệnh viện. Theo giáo sư Marie Favrot, chương trình nhắm mục tiêu chống lại "sự bỏ dở việc học đưa đến sự cô lập hoàn toàn". Kinh nghiệm tuy chưa là bao nhưng đáng để được phổ biến khi biết rằng gần 1,5 triệu trẻ em phải nhập viện mỗi năm. ■

■ 50 000. Đó là số tấn khí éthane và propane do ba nhà khoa học Hoa Kỳ đề nghị bơm vào vùng khí quyển trên vùng Nam Cực nhằm tiêu hủy những phân tử có hại cho lớp ozone.

■ Theo OMS, số tử vong của phụ nữ hút thuốc sẽ tăng gấp đôi từ đây đến năm 2020 nếu sự tiêu thụ và số phụ nữ hút thuốc tiếp tục gia tăng.



Hộp Thư Tòa Soạn

Ban Biên Tập xin có lời cảm ơn sự đồng góp của tất cả các "Cây Bút" quen thuộc như các Chị Vân Trang, Thúy Vũ, Ve Sâu,... Cũng không quên các bài viết chứa chan tình cảm của Bác Nguyễn Dương. Ban Biên Tập hy vọng các Bác, các Chú, các Anh và các Chị sẽ duy trì sự cộng tác đó cho sự "sống còn" của Người Việt Evry.

Ban Biên Tập cũng rất mong sự trở lại "diễn đàn" của các "Cây Bút" cũ vắng mặt kỳ này và cũng đồng thời hoan nghênh sự hiện diện của các tài năng mới.

Một năm sắp hết, Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry "già" thêm một tuổi. Đó cũng là nhờ sự cố vũ và ủng hộ của các Cô Chú và cả Anh Chị gần xa.

Do vậy, thay mặt cho tất cả Anh Chị Em hội viên, Ban Biên Tập xin gửi đến các Cô Chú và các Anh Chị những lời chúc tốt đẹp nhất cho năm 1999.

Và nhân tiện cũng xin hẹn gặp lại các Cô Chú và các Anh Chị trong số báo tới phát hành vào dịp Tết Nguyên Đán sẽ được tổ chức vào ngày 6 tháng 3 năm 1999 tại hội trường Bexley.

Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry rất mong được đón tiếp các Cô Chú và các Anh Chị.

Thân ái,
Ban Biên Tập



Phiếu ủng hộ Bulletin de participation

Ông, Bà :
Mr, Mme
Địa chỉ :
Adresse :

gửi ủng hộ cho tờ tạp san **NGƯỜI VIỆT EVRY**,
participe aux frais d'édition du bulletin **NGƯỜI VIỆT EVRY**,
số tiền : bằng () tiền mặt - () ngân phiếu xin đề
d'un montant de en () espèce - () chèque à l'ordre de

Association des Jeunes Vietnamiens d'Evry
11, Allée du Bois Devé
91080 COURCOURONNES

Chữ ký
Signature

Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry
12, Impasse Marette Guillerval
91000 EVRY

